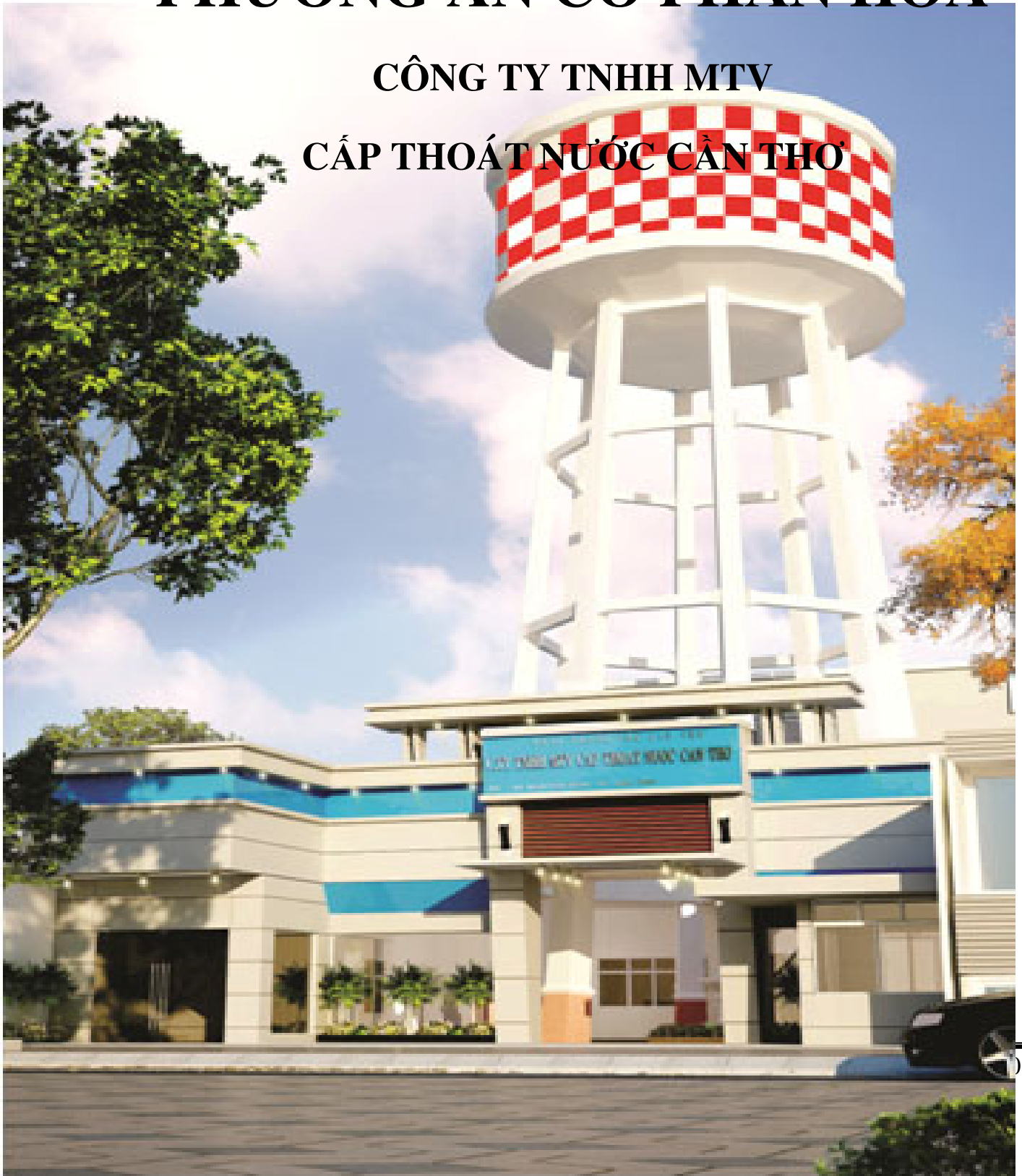




PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV

CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)



PSI

Trụ sở

Địa chỉ : Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3934 3888 Fax : 04. 3934 3999

Web : <http://psi.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 24-26 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 3911 1818 Fax : 08. 3911 1919

MỤC LỤC

KHÁI NIỆM.....	1
1. Trong phương án này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau.....	1
2. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa	1
PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	3
I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP	3
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp.....	3
2. Ngành nghề kinh doanh chính	3
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	4
4. Các văn bản thành lập và quá trình phát triển.....	8
4.1 Các văn bản thành lập doanh nghiệp.....	8
4.2 Quá trình phát triển.....	8
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	12
6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa.....	22
6.1 Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm	22
6.2 Tình hình thực hiện các dự án đang triển khai.....	25
6.3 Tình hình thực hiện đầu tư tài chính	28
6.4 Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất	30
6.5 Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	34
6.6 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	36
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	39
1. Tổng giá trị tài sản của Công ty	39
2. Thực trạng về tài sản cố định.....	40
3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng.....	41
4. Thực trạng về tài chính, công nợ	43
5. Thực trạng về lao động	44
5.1 Tổng số lao động.....	44
5.2 Các tổ chức đoàn thể.....	45
5.2.1 Đảng ủy Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.....	45

5.2.2 Công đoàn Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ	45
5.2.3 Đoàn Thanh niên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ	45
6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	45
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	46
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	46
1. Căn cứ pháp lý.....	46
2. Mục tiêu cổ phần hóa.....	47
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	48
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa	48
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	51
1. Hình thức cổ phần hóa.....	51
2. Thông tin doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	51
2.1 Thông tin doanh nghiệp.....	51
2.2 Ngành nghề kinh doanh	52
2.3 Hình thức pháp lý	52
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.....	53
3.1 Quyền hạn của Công ty	53
3.2 Nghĩa vụ của Công ty.....	53
4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và phương thức bán cổ phần.....	53
4.1 Vốn điều lệ	53
4.2 Cơ cấu cổ đông	53
5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	54
5.1 Đối tượng mua cổ phần	54
5.2 Cổ phần bán cho CBCNV	54
5.3 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài.....	56
5.4 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	57
6. Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	58
6.1 Loại cổ phần	58
6.2 Phương thức phát hành:	58
7. Chi phí cổ phần hóa	58
8. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	59

9. Đăng ký giao dịch và niêm yết	60
10. Phương án sắp xếp lao động	61
11. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư	63
12. Phương án sử dụng đất.....	64
13. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành.....	65
13.1 Cơ cấu sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp	65
13.2 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau	67
13.2.1 Cơ cấu tổ chức định biên số lượng tối đa các phòng chuyên môn nghiệp vụ	68
13.2.2 Phương án cơ cấu tổ chức và định biên Chi nhánh – Nhà máy.....	68
13.2.3 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty	68
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa	70
14.1 Chiến lược phát triển.....	70
14.2 Mục tiêu	70
14.3 Các chỉ tiêu chính.....	71
14.4 Các giải pháp thực hiện.....	72
14.4.1 Giải pháp về thị trường	72
14.4.2 Giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và cải tạo hệ thống sản xuất phù hợp ..	72
14.4.3 Giải pháp về chống thất thoát nước	73
14.4.4 Giải pháp về đầu tư phát triển	73
14.4.5 Giải pháp về vốn	77
14.4.6 Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành.....	78
14.4.7 Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	78
14.4.8 Giải pháp về lao động	78
14.4.9 Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể	79
14.4.10 Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.....	80
PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	81
PHỤ LỤC	83

KHÁI NIỆM

1. Trong phương án này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau

- **Công ty:** Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **Cổ phiếu:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
- **Cổ đông:** Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
- **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- **Vốn điều lệ:** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản Điều lệ.
- **Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

2. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa

- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TGD Tổng Giám đốc
- BTGD Ban Tổng Giám đốc
- KTT Kế toán trưởng
- CBCNV CBCNV
- HDLĐ Hợp đồng lao động
- TSCĐ Tài sản cố định
- TSLĐ Tài sản lưu động
- HOSE Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- HNX Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND Ủy ban Nhân dân

- BHXH Bảo hiểm xã hội
- CP Cổ phần
- CPH Cổ phần hóa
- DN Doanh nghiệp
- DNNN Doanh nghiệp Nhà nước
- NM Nhà máy nước
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- CNKT Công nhân kỹ thuật

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ.
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAN THO WATER SUPPLY – SEWERAGE CO.,LTD.
- Tên công ty viết tắt: CANTHOWASSCO.
- Địa chỉ: Số 2A, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 07103.810188 Fax: 07103.810188
- Mã số thuế: 1800155244
- Website: www.ctn-canθο.com.vn
- Email: ctncanθο@gmail.com
- Vốn điều lệ: 125.172.457.599 đồng

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm chín mươi chín đồng).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155244 ngày 28/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/8/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155244 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/8/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất nước sạch; Kinh doanh nước sạch.	3600 (chính)
Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Dịch vụ rút hầm tự hoại; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước	3700

thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải).	
Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết : Dặm vá đường	4330
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Khảo sát địa hình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát địa hình; Thiết kế công trình cấp thoát nước.	7110
Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng	4290
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước	4659
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước	3290

Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải).
- Xây dựng các công trình chuyên ngành dân dụng và các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp xây dựng cầu đở ống cấp thoát nước.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

✚ Sản xuất kinh doanh nước sạch

Công ty hiện cung cấp nước sạch cho 10/13 phường thuộc quận Ninh Kiều- Thành phố Cần Thơ: Hưng Lợi, Xuân Khánh, An Lạc, Tân An, An Hội, An Cư, An Phú, An Bình, An Khánh và An Nghiệp; huyện Phong Điền, quận Cái Răng thông qua 03 Nhà máy nước trực thuộc: Nhà máy nước Cần Thơ 1, Nhà máy nước Hưng Phú, Nhà máy nước Bông Vang với tổng công suất thiết kế là 82.500m³/ngày khai thác từ 86% đến 100% công suất

thiết kế. Đồng thời cung cấp nước cho các quận, huyện khác trên khắp thành phố thông qua 07 Nhà máy, Trạm cấp nước trực thuộc các Công ty con do Công ty nắm quyền chi phối.

Chi tiết công suất các Nhà máy :

Đvt: m³/ngày

Stt	Tên Nhà máy	Công suất thiết kế	Công suất khai thác
	Đơn vị trực thuộc Công ty	82.500	71.500
01	Nhà máy nước Cần Thơ 1	70.000	59.000
02	Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú	10.000	10.000
03	Chi nhánh cấp nước Bông Vang	2.500	2.500
	Nhà máy trực thuộc Công ty con	39.440	26.300
04	Nhà máy nước Trà Nóc	20.000	11.000
05	Nhà máy nước Ô Môn	2.400	2.400
06	Trạm cấp nước Thới Lai	2.500	800
07	Trạm cấp nước Cờ Đỏ	840	800
08	Nhà máy nước Thốt Nốt	10.000	8.800
09	Trạm cấp nước Thạnh An	1.200	1.200
10	Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh	2.500	1.300
	Tổng cộng	121.940	97.800



Hệ thống bơm nước sạch

Nguồn nước được lấy chủ yếu từ Sông Hậu và các nhánh Sông Hậu, sau đó thông qua hệ thống xử lý nước của Công ty tại các Nhà máy, Trạm cấp nước phân phối ra mạng lưới

cấp nước và khách hàng với tổng chiều dài mạng lưới chuyên tải và phân phối trên 330km. Hoạt động cấp nước liên tục 24/7 với lưu lượng nước 120-140lít/người/ngày được kiểm tra chất lượng khắc khe theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01/2009/BYT của Bộ Y tế trước khi đến người tiêu dùng.



Hình ảnh Cụm xử lý nước

Theo chủ trương của UBND TP Cần Thơ, chỉ đạo của các sở ngành và thỏa thuận giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Nông thôn thì vùng phục vụ nước sạch của Công ty là: quận Ninh Kiều, thị trấn Phong Điền, xã Mỹ Khánh, dọc Tỉnh lộ 923 và một phần đô thị Nam sông Cần Thơ. Đến cuối năm 2013, Công ty đã đầu nối được 45.151 khách hàng.

Với thực trạng ô nhiễm môi trường như hiện nay, đa số hộ dân đều có nhu cầu sử dụng nước sạch để đảm bảo vệ sinh và điều kiện sinh hoạt. Tuy nhiên, một số khu vực dân cư không tập trung, một số khu vực đã quy hoạch do đó việc đầu tư sẽ khó khăn, vì chi phí đầu tư cao, sản lượng tiêu thụ nước sạch không tương xứng, chi phí di dời mạng lưới cấp nước không được bồi thường,...

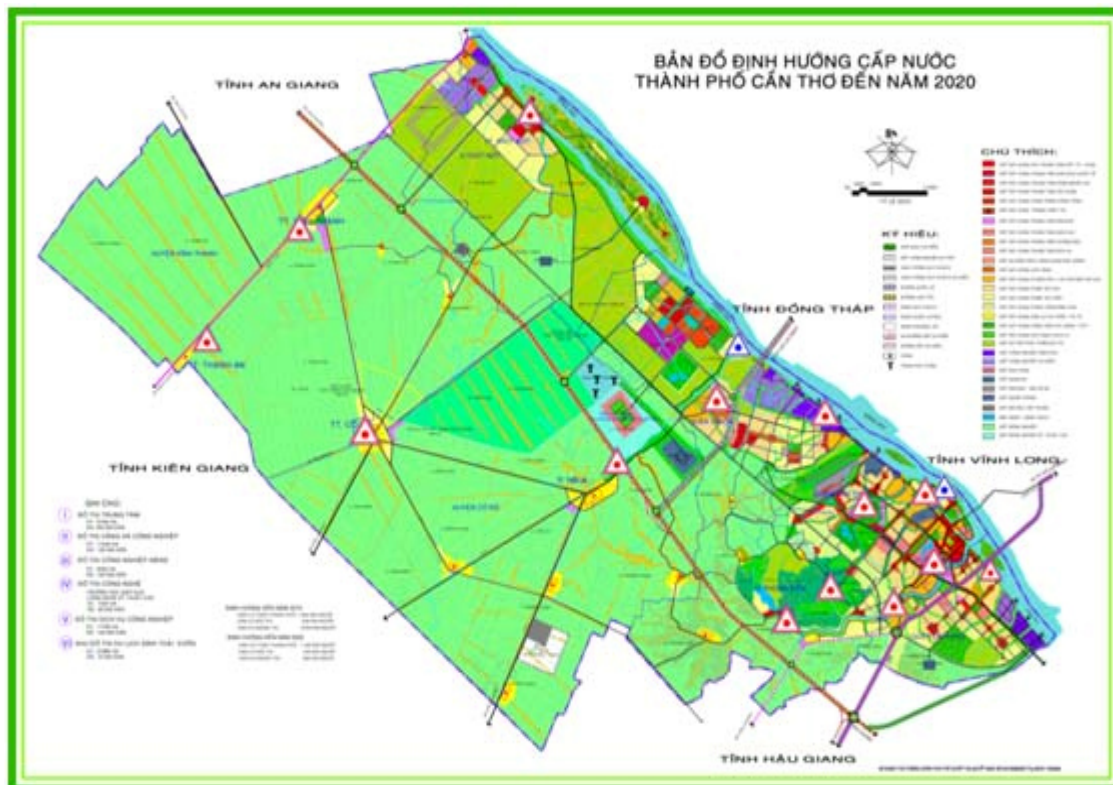
✚ Dịch vụ thoát nước

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho các đơn vị trên địa bàn thành phố Cần Thơ với khả năng xây dựng các công trình chuyên ngành và dân dụng có công suất 20.000m³/ngày đêm trở xuống.



Thi công hệ thống thoát nước

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện có năm (05) quận và bốn (04) huyện nhưng dịch vụ thoát nước của Công ty chỉ phục vụ hai (02) quận trung tâm là quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, các quận huyện còn lại địa phương trực tiếp thực hiện thông qua một dịch vụ khác.



4. Các văn bản thành lập và quá trình phát triển

4.1 Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định số 2355/1998/QĐ.CT.TCCB ngày 12/3/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ cho phép Công ty Cấp nước Cần Thơ chuyển thành DNNN công ích.
- Quyết định số 2690/QĐ-CT.UB ngày 12/9/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ về việc thay đổi tên Công ty Cấp nước Cần Thơ thành Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ trực thuộc UBND tỉnh Cần Thơ.
- Quyết định số 39/2004/QĐ-UB ngày 08/01/2004 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc đổi tên Công ty Cấp thoát nước tỉnh Cần Thơ thành Công ty Cấp thoát nước thành phố Cần Thơ trực thuộc UBND thành phố Cần Thơ.
- Quyết định số 1924/QĐ-CT.UB ngày 28/6/2004 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước thành phố Cần Thơ thành Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Giấy phép thành lập Công ty TNHH Cấp thoát Nước Cần Thơ số 570400008 ngày 28/6/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, với vốn điều lệ 125.172.457.599 đồng do UBND thành phố Cần Thơ làm chủ sở hữu.
- Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tên Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

4.2 Quá trình phát triển

▪ Giai đoạn từ 1927 – 1974

Ngày 09/4/1927, Chính quyền tỉnh Cần Thơ và Công ty Điện Nước Đông Dương (S.C.E.E – Pháp) đã ký Thỏa ước giao cho Công ty S.C.E.E quyền đầu tư và khai thác Nhà máy nước Cần Thơ. Thỏa ước được Chính phủ Nam kỳ phê chuẩn ngày 22 tháng 4 năm 1927.

Năm 1929, Nhà máy nước Cần Thơ đã có khả năng vận hành bơm nước thô 18giờ/ngày.

Năm 1931, Nhà máy xử lý nước hoàn chỉnh đầu tiên tại Cần Thơ được đưa vào khai thác, công suất 2.000m³/ngày; tháp nước có dung tích 100m³.

Ngày 13/3/1957, Nhà máy nước thứ 2, công suất ban đầu 3.700m³/ngày được đưa vào

hoạt động, tháp nước dung tích 500m³. Năm 1969, nâng công suất Nhà máy lên 5.000m³/ngày.

Cả 2 cụm Nhà máy nước đều nằm trong khuôn viên thuộc Công ty Thủy Điện Cần Thơ (S.C.E.E).

Từ năm 1965, Công quản Nhà máy nước Cần Thơ được thành lập, đơn vị này có chức năng phân phối, cung cấp nước cho người tiêu dùng khu vực Châu Thành Cần Thơ. Công ty Thủy Điện Cần Thơ chịu trách nhiệm sản xuất nước rồi bán sản phẩm cho Công quản Nhà máy nước Cần Thơ qua đồng hồ nước tổng.

Năm 1970, thị xã Cần Thơ phát triển, dân số ngày càng tăng, các Nhà máy nước do Công ty Thủy Điện Cần Thơ khai thác tại đường Nguyễn Trãi không đủ đáp ứng nhu cầu xã hội. Chính phủ Úc tài trợ cho Cần Thơ xây dựng Nhà máy nước tại đường 30/4 với công suất thiết kế 30.000m³/ngày và chính thức đưa vào hoạt động ngày 20/9/1973, nay là Nhà máy nước Cần Thơ 1. Khi Nhà máy nước Cần Thơ 1 hoạt động thì 2 Cụm xử lý nước trong khuôn viên Công ty Điện lực cũng ngừng hoạt động.

Đến năm 1972, Công quản Nhà máy nước được đổi thành Ty Cấp thủy Cần Thơ (trực thuộc Quốc gia Sản cấp Thủy cục Sài Gòn – Bộ Công chánh) được thành lập để từng bước điều hành việc sản xuất kinh doanh nước sạch và tách khỏi Trung tâm Điện lực Cần Thơ. Một phần đất của Nhà máy nước tại đường Nguyễn Trãi được tách ra giao cho Ty Cấp Thủy Cần Thơ mở văn phòng làm việc, nay là trụ sở làm việc của CANTHOWASSCO.

Năm 1973, Ty Cấp thủy đổi tên thành Trung tâm Cấp thủy Cần Thơ.

Đến cuối năm 1974, Cần Thơ có gần 3000 đầu nổi.

▪ **Giai đoạn từ 1975 – 2004**

Từ 1975-1986, Công ty chuyển đổi 05 cơ quan chủ quản. Đến năm 1986, Công ty có 11.000 đầu nổi, sản lượng ghi thu đạt 6,5 triệu m³.

Năm 1991, Công ty bàn giao Xí nghiệp cấp nước Sóc Trăng do tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng.

Tháng 4/1998, đưa Nhà máy nước Cần Thơ 2, công suất 40.000m³/ngày vào sử dụng.

Tháng 9/2002, Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 2690/QĐ-CT.UB ngày 12/9/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ.

Năm 2004, Công ty đã nâng công suất Nhà máy nước Cần Thơ 1 thêm 20.000m³/ngày; đưa vào sử dụng Nhà máy nước tại Khu công nghiệp Trà Nóc công suất 10.000m³/ngày.

Đầu năm 2004, thực hiện chủ trương chia tách địa giới hành chính, Công ty bàn giao về tỉnh Hậu Giang 03 Chi nhánh cấp nước Phụng Hiệp, Vị Thanh và Long Mỹ và chuyển thành Công ty trực thuộc thành phố Cần Thơ.

Ngày 28/6/2004, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 1924/QĐ-CT.UB thông qua chuyển Công ty Cấp thoát nước thành phố Cần Thơ thành Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ do UBND thành phố Cần Thơ sở hữu, với vốn điều lệ 125.172.457.599 đồng.

▪ **Giai đoạn 2005 đến nay**

Ngày 29/10/2012, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2689/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

Khởi đầu với Nhà máy nước công suất 2.000m³/ngày đến nay Công ty đã có 10 Nhà máy nước, Trạm cấp nước với tổng công suất 121.940m³/ngày, công suất khai thác đạt 88 ÷ 90%, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con với các đơn vị thành viên sau:

1- Công ty con do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

▪ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2:

Ngày 01/7/2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 đã hoàn tất cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, phần vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 đã chuyển về để UBND thành phố Cần Thơ quản lý và chính thức tách ra khỏi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

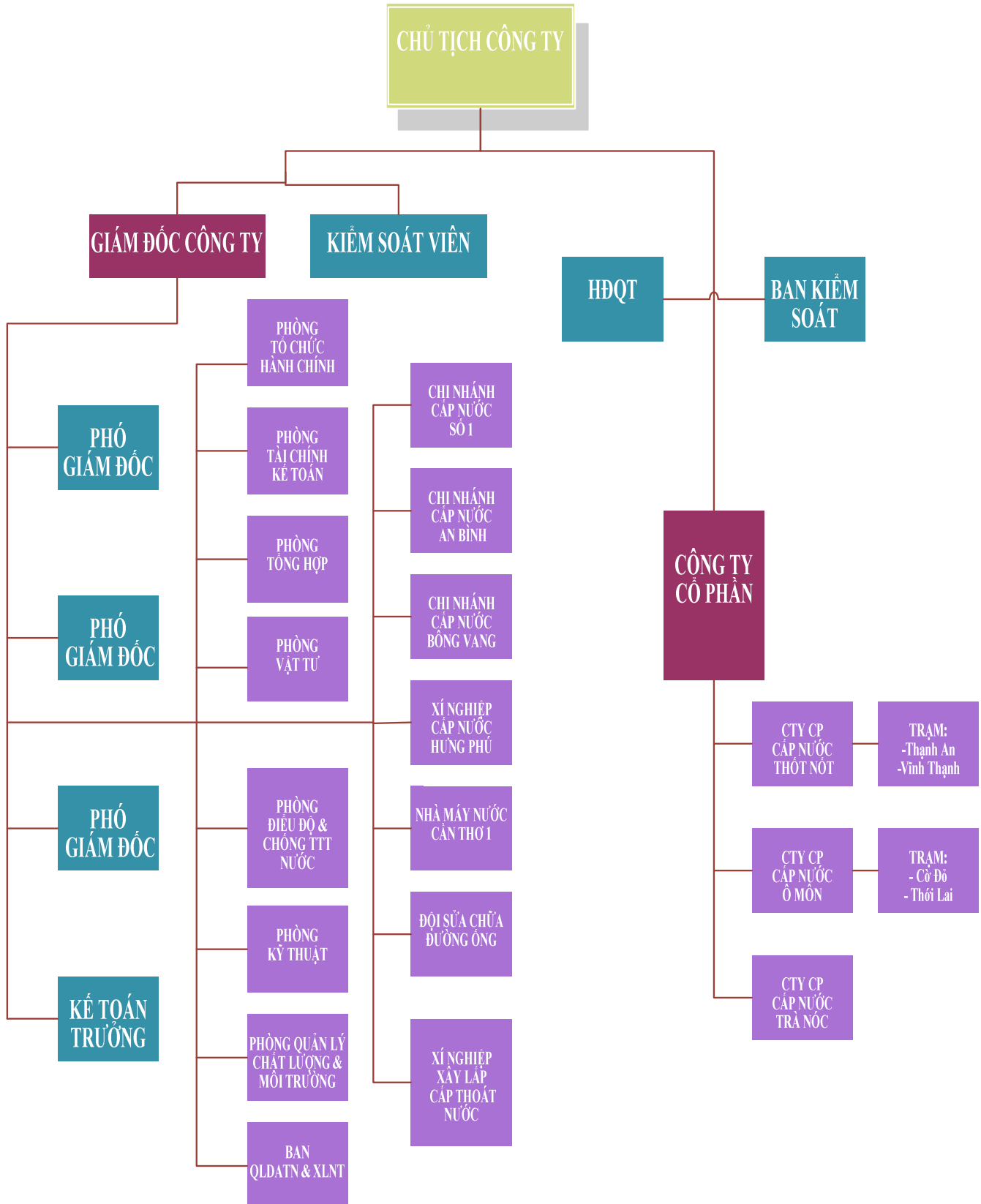
2- Công ty có vốn góp, cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt: góp 29.600.052.394 đồng, tương đương 86,07% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc: góp 24.883.256.442 đồng, tương đương 60,46% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn: góp 10.260.511.548 đồng, tương đương 85,29% vốn điều lệ;

3- Đơn vị trực thuộc:

- Nhà máy nước Cần Thơ 1
- Chi nhánh cấp nước Số 1
- Chi nhánh cấp nước An Bình
- Chi nhánh cấp nước Bông Vang
- Xí nghiệp cấp nước Hưng phú
- Đội Sửa chữa đường ống
- Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý



Cơ cấu tổ chức gồm:

- Chủ tịch Công ty
- Kiểm soát viên (1 người)
- Ban giám đốc (Giám đốc và 03 Phó giám đốc)
- Kế toán trưởng
- 08 phòng ban chức năng
- 07 đơn vị trực thuộc
- 03 Công ty con

Cụ thể chức năng nhiệm vụ các phòng ban như sau:

🚧 Phòng Tổ chức hành chính

Thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức, hành chính, quản trị, quản lý hồ sơ pháp lý.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tham mưu Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty xây dựng cơ cấu tổ chức hành chính quản trị, điều kiện phương tiện, định biên bộ máy chế độ chính sách theo quy định Nhà nước.
- Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định chế tài áp dụng trong nội bộ Công ty.
- Tham mưu tuyển dụng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm sắp xếp bố trí tiếp nhận CB-CNV.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương, thực hiện tốt chính sách tiền lương, thủ tục nâng lương, xếp hạng Doanh nghiệp.
- Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng thi nâng bậc cho Người lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua BHYT, BHTN và các chế độ chính sách khác.
- Tổ chức, phục vụ tốt các cuộc hội họp. Giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa cơ quan. Tổ chức và quản lý tốt công tác an toàn lao động. Phối hợp Phòng Điều độ trong việc cử CB-CNV trực nghe và ghi nhận thông tin số điện thoại đường dây nóng.
- Bảo vệ cơ quan, cơ sở vật chất, quản lý tài sản công của Công ty (khi dịch chuyển

phải được sự cho phép của Lãnh đạo Công ty).

- Quản lý con dấu theo đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu của Bộ Công an. Tiếp nhận và cấp phát công văn theo đúng quy trình, thủ tục. Quản lý hồ sơ, lưu trữ đúng theo quy định Nhà nước.
- Theo dõi, đôn đốc tình hình xử lý văn bản của các bộ phận chuyên môn, kịp thời báo cáo Ban Giám đốc nếu đã nhắc nhở các phòng nghiệp vụ nhưng không đảm bảo.
- Tổ chức mua sắm, quản lý và cấp phát trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm... đảm bảo nhu cầu làm việc của các đơn vị. Quản lý & điều động xe phục vụ công tác của Ban Giám đốc.
- Quản lý, bảo mật hồ sơ lý lịch, nhận xét đánh giá CB-CNV.
- Tổ chức quản lý việc thực hiện nội quy, quy chế và các quy định của Cty.
- Tiếp nhận và thông kê báo cáo liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng theo sự phân công của Ban Giám đốc Công ty.
- Mua bảo hiểm tài sản, đàm phán ký kết HĐBH, phối hợp Phòng TCKT thẩm định hồ sơ.
- Soạn thảo các văn bản liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

📌 Phòng Tài chính kế toán

Thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu nhằm khai thác, huy động và sử dụng nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất. Theo dõi, giám sát quản lý vốn đầu tư tại các Công ty cổ phần có góp vốn.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch huy động nguồn vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính hàng tháng, quý và năm của Công ty.
- Thực hiện thu, chi đúng quy định (có chứng từ hợp lệ, hóa đơn tài chính).
- Quản lý tồn quỹ đúng quy định (nghiêm cấm việc cho mượn quỹ). Hàng tháng phải kiểm kê đối chiếu tồn quỹ.
- Lập báo cáo và quyết toán các loại thuế của Công ty (bao gồm cả thuế TNCN của

CB-CNV Công ty) với cơ quan thuế, kiểm tra và nộp thuế đúng quy định của Nhà nước.

- Chủ trì xử lý các khoản nợ khó thu, nợ xấu... theo dõi công tác chống thất thu.
- Bảo quản chứng từ, lưu giữ theo quy định của Nhà nước.
- Hàng tháng báo cáo tình hình thu chi và báo cáo kế hoạch thanh khoản trình Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty.
- Soạn thảo các quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ tài chính kế toán.
- Nhận định, phân tích và đánh giá các hoạt động tài chính. Đề xuất các giải pháp về quản lý tài chính. Tham mưu định hướng phát triển, bảo toàn và phát huy hiệu quả nguồn vốn của Chủ sở hữu và đảm bảo SXKD có lợi nhuận cao. Phát hiện những lãng phí, thiệt hại đã xảy ra để có biện pháp khắc phục.
- Theo dõi, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc hạch toán kế toán, các biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định; cử người tham gia Ban Kiểm soát các Công ty cổ phần có góp vốn để thực hiện chức năng giám sát, quản lý.
- Quan hệ tốt với các cơ quan quản lý Nhà nước. Thực hiện các quy định về công nợ, xử lý mất mát, hư hỏng, thiếu hụt tài sản, quản lý tiền mặt.
- Trực tiếp làm việc và cung cấp hồ sơ có liên quan cho cơ quan chức năng (kiểm toán, thuế, thanh tra...) khi có yêu cầu.
- Lập báo cáo tài chính theo quy định, riêng báo cáo tài chính năm phải kết thúc đầu tháng ba hàng năm. Phối hợp các Công ty con tổng hợp báo cáo hợp nhất hoàn thành chậm nhất trước 31/3 hàng năm.
- Duy trì hệ thống kế toán đảm bảo tính chính xác của báo cáo tài chính.
- Giám sát theo dõi vốn của các Công ty cấp nước thành viên.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

📌 Phòng Kỹ thuật

Thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác quản lý lĩnh vực đầu tư xây dựng, dự án cấp nước. Quản lý về mặt kỹ thuật, đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, chất lượng công trình... công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các quy trình sản xuất, thi công của Công ty.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Quản lý và thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án. Phối hợp các Phòng ban soạn thảo các quy trình quy phạm kỹ thuật.
- Lập và quản lý hồ sơ XD/CB theo đúng quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- Hỗ trợ các Nhà máy vận hành bảo dưỡng.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng giám sát công trình.
- Quản lý thiết bị điện Văn phòng Công ty, kiểm tra định kỳ và sửa chữa.
- Thực hiện các thủ tục đầu tư, tổ chức đấu thầu và lập hồ sơ dự thầu theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp nhận các hồ sơ (dự toán, thiết kế kỹ thuật,...) của Chủ công trình để triển khai thực hiện hợp đồng kinh tế giữa Công ty với Chủ đầu tư.
- Tổ chức mời thầu, làm thủ tục đấu thầu các thiết bị có giá trị tài sản lớn.
- Giám sát và chỉ đạo thi công các công trình hoặc hạng mục của công trình theo đúng hồ sơ thiết kế đã duyệt.
- Giám sát, báo cáo đánh giá đầu tư các Dự án.
- Xây dựng định mức kỹ thuật.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

✚ Phòng Tổng hợp

Thực hiện và chịu trách nhiệm việc in ấn hóa đơn tiền nước, theo dõi quản lý sản lượng, tổng hợp số liệu, lập các báo cáo và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nhận và tổng hợp thông tin quản lý khách hàng theo từng thời gian.
- Cập nhật, quản lý, phân tích, đánh giá số liệu đã nhận được; chuyển giao quản lý và chuyển giao các thông tin, dữ liệu về các Chi nhánh, Xí nghiệp cấp nước khi các đơn vị có yêu cầu trong công tác quản lý khách hàng của đơn vị.
- Quản lý, cập nhật phần mềm in hóa đơn tiền nước và các phần mềm khác phù hợp với từng thời điểm.
- In ấn và phát hành hóa đơn tiền nước chính xác, kịp thời, đúng quy định.
- Phối hợp xử lý các hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn hồng...
- Lập báo cáo và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tháng, quý,

năm của Công ty. Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các Sở ngành liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng.

- Chính sửa, bổ sung Hợp đồng dịch vụ cấp nước; tổ chức in ấn Hợp đồng và cung cấp đến các đơn vị liên quan.
- Cung cấp số liệu cho Đảng, các đoàn thể, các đơn vị ... nhằm phục vụ công tác báo cáo (đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời và thống nhất trong toàn Công ty).
- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của các Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty và các Công ty cấp nước thành viên.
- Quản lý email, website Công ty; thường xuyên cập nhật, báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch, Giám đốc Công ty.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

Phòng Vật tư

Thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác quản lý vật tư, lập kế hoạch vật tư của Công ty đạt hiệu quả cao. Tổ chức cung ứng đầy đủ và kịp thời nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị và vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh và thi công các công trình.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nắm vững số lượng, chủng loại xuất xứ hàng hóa, chứng chỉ chất lượng vật tư. Xây dựng hệ thống danh mục vật tư để theo dõi, cập nhật và quản lý thẻ kho đúng đủ, chính xác.
- Tổng hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm. Làm thủ tục mua sắm theo phân cấp quản lý, đảm bảo chất lượng và giá cả. Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng vật tư, bảng giá vật tư phục vụ công tác lập dự toán và quyết toán các công trình.
- Tổng hợp, kiểm tra, tham mưu Ban Giám đốc thanh lý tài sản.
- Tổ chức cung ứng vật tư đầy đủ, đúng chủng loại, quy cách, đảm bảo hiệu quả, kịp thời phục vụ cho sản xuất liên tục và đạt chất lượng. Hàng tháng báo cáo hàng tồn kho cho Giám đốc Công ty.
- Lập phiếu nhập, xuất và lưu trữ tài liệu, số liệu vật tư thiết bị và thời gian bảo hành máy móc thiết bị.
- Tổ chức quản lý sắp xếp, phân loại vật tư, hàng hóa hợp lý và khoa học (trong nhà

và lộ thiên), tránh mất mát, hư hỏng và ứ đọng.

- Quản lý & điều động xe tải phục vụ công tác.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

Phòng Điều độ và Chống thất thoát thất thu nước

Thực hiện và chịu trách nhiệm về quản lý mạng lưới cấp nước, chống thất thoát thất thu, kiểm soát áp lực của mạng lưới cấp nước, kịp thời xử lý các vi phạm.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Quản lý toàn diện mạng lưới cấp nước từ ống cấp 1 đến cấp 3, quản lý hệ thống van và quản lý áp lực nước trên mạng lưới cấp nước. Lập kế hoạch và thực hiện xả tuyến định kỳ.
- Tham gia kiểm soát chất lượng vật tư, phụ kiện, quy chuẩn kỹ thuật lắp đặt, đấu nối,...
- Đề xuất kế hoạch cải tạo ống cũ đã hết hạn sử dụng và ống chùn. Giám sát việc phát triển mạng lưới cấp nước.
- Tổ chức kiểm định, tu bổ và bảo trì đồng hồ đo nước đúng quy định.
- Điều động lực lượng đóng, mở van trên mạng nhằm điều hòa áp lực nước hoặc yêu cầu khắc phục sự cố trên tuyến ống cấp nước.
- Cập nhật hệ thống mạng lưới cấp nước trên máy tính, số hóa bản đồ hệ thống cấp nước. Kiểm tra dò tìm ống bể, giám sát công tác xử lý ống bể.
- Lập biên bản, xử lý hoặc phối hợp (Thanh tra Sở Xây dựng) các trường hợp vi phạm công trình cấp nước và thực hiện các thủ tục khác có liên quan đến việc xử lý vi phạm.
- Theo dõi, quản lý đường dây nóng của Công ty về tiếp nhận thông tin báo sự cố ống bể từ khách hàng, phối hợp xử lý các công việc tiếp theo.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

Phòng Quản lý chất lượng và Môi trường

Thực hiện và chịu trách nhiệm lập thủ tục các giấy phép môi trường, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các Nhà máy nước theo quy định. Theo dõi, đánh giá chất lượng nước, hóa chất nguyên liệu xử lý nước nhằm đảm bảo cấp nước an toàn.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Hướng dẫn và thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.
- Quản lý hóa chất kiểm nghiệm nước.
- Quản lý chất lượng nước phải an toàn, kiểm tra thường xuyên và đột xuất. Giám sát các đơn vị cấp nước trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm định nước.
- Quản lý nguyên liệu đưa vào nguồn nước, kiểm soát an toàn.
- Quản lý và thực hiện các thủ tục về môi trường, quản lý xả thải các Nhà máy nước. Theo dõi và thực hiện các thủ tục xin cấp các giấy phép môi trường của các Nhà máy nước thuộc Công ty. Nhắc và hỗ trợ các Công ty cấp nước thành viên thực hiện các giấy phép môi trường theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

✚ Đội Sửa chữa Đường ống

Thực hiện công tác bảo dưỡng, cải tạo và sửa chữa đường ống cấp nước

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức thi công cải tạo ống chùm, tu bổ sửa chữa các thiết bị trên mạng lưới cấp nước, bảo dưỡng bảo trì mạng lưới cấp nước theo sự phân công của Lãnh đạo Công ty.
- Lắp đặt, sửa chữa ống nhánh đảm bảo chất lượng, đúng quy trình kỹ thuật.
- Phân công lao động trực và kịp thời sửa chữa ống bể đúng quy định.
- Phối hợp với đơn vị quản lý địa bàn để giải quyết ống bể kịp thời, đạt chất lượng.
- Phối hợp với Phòng Điều độ, các Chi nhánh trong công tác dò tìm ống bể, đóng mở van nhằm điều hòa áp lực nước hoặc khắc phục các sự cố trên tuyến ống cấp nước.
- Tổ chức thực hiện các biện pháp thi công hiệu quả nhanh gọn; đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông; chấp hành trật tự kỷ cương đô thị, đảm bảo chất lượng công trình, hoàn trả mặt bằng thi công kịp thời.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Đơn vị hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

✚ Ban Quản lý các Dự án

Tổ chức quản lý và thực hiện các Dự án đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm (kế hoạch giải ngân, kế hoạch chi tiêu, kế hoạch đầu thầu, kế hoạch giải phóng mặt bằng...).
- Đảm bảo tiến độ thực hiện các Dự án và Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan Chủ quản.
- Theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động đúng kết quả hoạt động của Dự án và các Nhà thầu.
- Tổ chức nghiệm thu sản phẩm, thanh quyết toán theo quy định.
- Có trách nhiệm quản lý tài chính và tài sản của Dự án.
- Làm đầu mối của Chủ đầu tư để liên hệ với Nhà tài trợ, các đơn vị chức năng... về các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.
- Lập báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định.
- Lập báo cáo quyết toán và báo cáo kết thúc Dự án.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc phân công.

✚ Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước

Tổ chức thi công các công trình cấp thoát nước, quản lý vận hành hệ thống thoát nước theo Hợp đồng dịch vụ được phân công, đảm bảo thông suốt, không ngập nghẹt.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức thi công các công trình tuyến ống cấp nước.
- Tư vấn, giám sát thi công các công trình do Công ty làm Chủ đầu tư hoặc các Chủ đầu tư là khách hàng của Công ty.
- Khảo sát, chiết tính dịch vụ đấu nối và thông thoát, nạo vét hệ thống thoát nước.
- Cập nhật xử lý sự cố mất đal, hư hỏng hệ thống thoát nước.
- Xử lý ngập nghẹt; quản lý hồ sơ tài sản và trang thiết bị do Công ty giao.
- Quản lý đấu nối từ hộ gia đình, tổ chức... ra hệ thống thoát nước công cộng. Khi thi công cần lưu ý phát hiện và thông báo kịp thời những bất cập của hệ thống cấp nước và đề xuất biện pháp khắc phục.
- Lập kế hoạch vận hành bảo dưỡng, sửa chữa theo các quy trình tác nghiệp chuẩn và Hợp đồng dịch vụ.
- Quản lý chăm sóc khách hàng. Nghiên cứu máy móc thiết bị dụng cụ chuyên dùng sử dụng cho các hoạt động thoát nước.

- Trực tiếp liên hệ địa phương và các ngành chức năng để giải quyết công việc của Xí nghiệp và phải báo cáo Ban Giám đốc.
- Phối hợp các phòng ban có liên quan trong việc rà soát điều chỉnh các định mức, đơn giá, kế hoạch vận hành và bảo dưỡng hàng năm.
- Quản lý lao động và thiết bị đảm bảo hiệu quả. Hàng tháng, theo dõi doanh thu và báo cáo cho Giám đốc.
- Phối hợp cùng Phòng Kỹ thuật và Chủ đầu tư trong việc cải tạo hệ thống thoát nước nhằm hạn chế và chống ngập nghẹt.
- Nghiên cứu và tham mưu về giải pháp chống ngập nghẹt. Tổ chức nghiên cứu và đề xuất với khách hàng đầu tư mở rộng hệ thống thoát nước.
- Tham mưu đề xuất công tác duy tu, bảo dưỡng thay thế, lắp đặt mới hệ thống thoát nước,... đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định.
- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ giám sát thi công đúng năng lực hành nghề.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Xí nghiệp hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

🔧 Các Nhà máy nước

Chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất và cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tổ chức quản lý, vận hành, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo phát nước liên tục.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức sản xuất cung cấp nước đảm bảo liên tục, an toàn, đạt chất lượng, đảm bảo công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong Nhà máy.
- Tham gia bảo vệ và tổ chức giữ gìn an ninh trật tự phạm vi Nhà máy.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vật tư, nguyên vật liệu.
- Sử dụng hóa chất đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp.
- Kiểm tra thường xuyên nguồn nước, thực hiện tốt quy trình kiểm soát chất lượng nước, tình hình hoạt động của thiết bị công nghệ.
- Thực hiện tốt Kế hoạch cấp nước an toàn, tu bổ đúng định kỳ các thiết bị, đảm bảo tốt công tác PCCC, chủ động thực hiện sửa chữa nhỏ, lập tờ trình xin chủ trương sửa chữa lớn.
- Tham gia nghiên cứu, cải tiến phương pháp nhằm mang lại hiệu quả trong công tác

vận hành, sản xuất.

- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Đơn vị hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

✚ Các Chi nhánh

Thực hiện và chịu trách nhiệm việc phát triển kinh doanh, quản lý, chăm sóc khách hàng và tham gia quản lý mạng ống cấp nước.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức quản lý khách hàng, quản lý sản lượng nước đạt hoặc vượt chỉ tiêu giao.
- Phối hợp với Phòng Điều độ thực hiện công tác chống thất thoát, thất thu và phối hợp xử lý các vụ việc vi phạm công trình cấp nước; Tiếp nhận mọi thông tin về sự cố bể ống.
- Trực tiếp quan hệ địa phương và các ngành chức năng để giải quyết công việc của Chi nhánh.
- Tiếp nhận mọi thông tin ống bể và báo ngay cho đơn vị liên quan tổ chức sửa chữa khắc phục.
- Phân công lao động quản lý địa bàn và nắm bắt thông tin kịp thời.
- Đại diện Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ cấp nước và hóa đơn tiền nước trong phạm vi Chi nhánh quản lý.
- Phối hợp với các Đơn vị có liên quan giải quyết các yêu cầu và khiếu nại của khách hàng.
- Phối hợp với Phòng Điều độ khảo sát, quản lý và theo dõi mạng lưới cấp nước và đồng hồ đo nước.
- Thu, nộp tiền kịp thời, đúng quy định. Quản lý tốt công tác tồn thu.
- Đề xuất các biện pháp quản lý và phát triển khách hàng.
- Hàng tháng báo cáo kết quả về hoạt động của Chi nhánh với Chủ tịch và Ban Giám đốc.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Đơn vị hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

6.1 Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm

Sản phẩm dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của con người, do đó nhu cầu tiêu thụ tiêu dùng luôn ở mức cao.

Theo chủ trương của UBND TP Cần Thơ, chỉ đạo của các sở ngành và thỏa thuận giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Nông thôn thì vùng phục vụ nước sạch của Công ty là: quận Ninh Kiều, Cái Răng, thị trấn Phong Điền, xã Mỹ Khánh, dọc Tỉnh lộ 923 và một phần đô thị Nam sông Cần Thơ. Tuy nhiên một số khu vực dân cư không tập trung, sống ven kênh rạch bên cạnh đó hệ thống thoát nước của thành phố chưa xây dựng đồng bộ yêu cầu vốn đầu tư lớn nên hiện nay Công ty chỉ chủ yếu cung cấp dịch vụ cho hai quận trung tâm là Quận Ninh Kiều, Cái Răng và huyện Phong Điền. Đến cuối năm 2013, toàn Công ty đã đầu nối được 99.376 khách hàng, với tổng chiều dài mạng lưới chuyển tải và phân phối trên 330km.

Chi tiết sản lượng tiêu thụ và doanh thu qua các năm như sau:

✚ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận toàn Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Sản lượng	Triệu m ³	32,00	34,23	35,37
Số hộ đầu nối	Hộ	90.999	92.416	99.376
Tỷ lệ thất thoát	%	28,62%	27,40%	26,98%
Doanh thu	Triệu đồng	184.929	199.234	245.861
Sản xuất nước	“	171.530	173.181	222.971
Lắp đặt	“	3.549	11.246	10.824
Chuyển nhượng	“	-	1.161	377
Công trình xây dựng	“	9.973	13.666	11.693
Giảm trừ doanh thu	“	(122)	(20)	(4)
Giá vốn	Triệu đồng	107.392	121.089	148.395
Sản xuất nước	“	96.728	99.382	132.455
Lắp đặt	“	2.806	7.713	4.905
Chuyển nhượng	“		1.067	136
Công trình xây dựng	“	7.858	12.927	9.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	“			1.894

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	77.538	78.145	97.466
Sản xuất nước	“	74.802	73.799	90.516
Hoạt động khác	“	2.736	4.346	6.950
Tỷ lệ lợi nhuận				
Sản xuất nước	%	43,61%	42,61%	40,60%
Hoạt động khác	%	20,23%	16,67%	30,36%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2011-2013)

✚ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ qua các năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Sản lượng	Triệu m ³	15,09	16,19	16,93
Số hộ đấu nối	Hộ	40.465	42.534	45.151
Tỷ lệ thất thoát	%	38	38	35
Doanh thu	Triệu đồng	104.149	125.702	133.485
Sản xuất nước	“	70.903	90.254	116.713
Lắp đặt	“	16.929	3.991	3.201
Chuyển nhượng	“	8.176	8.020	5.193
Công trình xây dựng	“	8.149	23.451	8.380
Giảm trừ doanh thu		(7)	(14)	(2)
Giá vốn	“	68.418	90.171	89.982
Sản xuất nước	“	45.011	57.231	71.025
Lắp đặt	“	8.277	3.398	3.106
Chuyển nhượng	“	8.023	7.919	4.952
Công trình xây dựng	“	7.108	21.623	9.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	“			1.894
Lợi nhuận gộp	“	35.731	35.530	43.503
Sản xuất nước	“	25.892	33.023	45.688
Hoạt động khác	“	9.839	2.508	(2.185)

Trong năm 2013, toàn Công ty tiêu thụ 35,37 triệu m³ nước, đạt 246 tỷ đồng doanh thu,

mang lại 62 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, trong đó Công ty mẹ tiêu thụ 16,93 triệu m³ nước sạch với 45.151 hộ đầu nối, mang lại 133,4 tỷ đồng doanh thu và 21,3 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Doanh thu và lợi nhuận Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ trong 3 năm qua liên tục tăng trưởng cao: năm 2012 doanh thu thuần tăng 20,69% so với cùng kỳ năm 2011, năm 2013 doanh thu thuần tăng 6,19% so với năm 2012 nhưng lợi nhuận sau thuế mang lại trong năm tăng trưởng 27,01% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do tỷ lệ giá vốn trên doanh thu giảm từ 75,6% doanh thu xuống còn 67,41% chủ yếu nhờ Công ty giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 38% xuống còn 35% và giá nước sạch được điều chỉnh tăng từ tháng 4/2013 theo Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 thay thế Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 13/8/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ.

Thời gian qua Công ty đã nhận được sự quan tâm của Thành ủy và UBND thành phố Cần Thơ, sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ngành tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện nhiệm vụ được giao như trên, tuy nhiên bên cạnh đó tồn tại những khó khăn sau:

- Thành phố Cần Thơ đang trong quá trình chỉnh trang đô thị, một số tuyến đường nâng cấp mở rộng làm ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, các công trình hạ tầng khác thi công từng lúc từng nơi chưa báo trước cho đơn vị quản lý làm hư hỏng tuyến ống cấp nước gây thất thoát nước của Công ty.
- Tình trạng xây lấn chiếm các kênh rạch và cửa xả của các hộ dân ngày càng nhiều, dẫn đến dòng chảy ngày càng bị thu hẹp, mặt khác nguồn vốn ngân sách hạn chế gây không ít khó khăn cho công tác vận hành và bảo dưỡng, xử lý ngập nghẹt hệ thống thoát nước.
- Hiện nay khoảng 8% mạng lưới cấp nước đã vận hành trên 40 năm, quá thời gian sử dụng nhưng vẫn đang vận hành và có hiện tượng rò rỉ, xì bể nhiều nơi (kể cả ống chuyên tải, phân phối và ống nhánh) ảnh hưởng đến tỷ lệ thất thoát nước.

6.2 Tình hình thực hiện các dự án đang triển khai

Từ năm 2004 (năm chính thức chuyển sang Công ty TNHH) đến nay Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ có tổng cộng là 06 dự án đầu tư và nâng cấp Nhà máy, Trạm cấp nước với tổng mức đầu tư dự toán là 71,5 tỷ đồng và đã hoàn thành quyết toán 6 công trình với giá trị nghiệm thu 64,9 tỷ đồng; Các dự án mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước với tổng giá trị dự toán đầu tư là 93,09 tỷ đồng và hoàn thành quyết toán với giá trị 55,14

tỷ đồng. Chi tiết các dự án sau:

TT	Tên công trình/dự án	Quyết định đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư dự toán (tỷ)	Giá trị quyết toán (tỷ)
Dự án đầu tư và nâng công suất các Nhà máy nước, Trạm cấp nước					
01	Nhà máy nước Hưng Phú Công suất: 10.000m ³ /ngày đêm	117- 22/5/2003	2004 2006	31,0	26,0
02	Nâng công suất Nhà máy nước Cần Thơ 1 Công suất: 2.500m ³ /ngày đêm	156- 07/10/2010	2010	4,9	4,9
03	Nhà máy nước Bông Vang, Mỹ Khánh Công suất 2.500m ³ /ngày đêm	180- 04/11/2011	2011 2012	6,6	6,5
04	Cụm xử lý Nhà máy nước Cần Thơ 1 – Giai đoạn 2 Công suất: 2.500m ³ /ngày đêm	53- 22/4/2011	2011	5,0	5,0
05	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cụm xử lý 30.000m ³ /ngày đêm Nhà máy nước Cần Thơ 1	199- 17/7/2013	2013 2014	12,0	12,0
06	Nhà máy cấp nước thị trấn Phong Điền	165- 20/6/2013	2013 2014	12,0	10,5
	Tổng cộng			71,5	64,9
Dự án mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước					
01	Mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2009		2009	2,9	2,0
02	Mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2010		2010	13,4	8,6
03	Mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2011		2010	31,0	10,0
04	Mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2012		2012	24,0	19,0
05	Mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2013		2013	21,79	15,54
	Tổng cộng			93,09	55,14

Giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2013, Công ty được phê duyệt 06 dự án đầu tư và

nâng công suất các Nhà máy nước, Trạm cấp nước với hiện trạng thực hiện cho đến 08/12/2014 như sau:

- 05/06 dự án đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong đó:
 - Dự án đầu tư Nhà máy nước Hưng Phú, công suất 10.000m³/ngày với tổng giá trị đầu tư dự toán là 31 tỷ đồng. Dự án đã được thực hiện từ năm 2004 và đã hoàn thiện đưa vào sử dụng năm 2006 với tổng giá trị quyết toán 26 tỷ đồng.
 - Dự án nâng công suất Nhà máy nước Cần Thơ 1 thêm 2.500m³/ngày năm 2010 với tổng giá trị đầu tư dự toán là 4,9 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành trong năm với tổng giá trị quyết toán 4,9 tỷ đồng.
 - Dự án đầu tư Nhà máy nước Bông Vang tại Chi nhánh cấp nước Bông Vang, xã Mỹ Khánh, công suất 2.500m³/ngày, với tổng giá trị đầu tư dự toán là 6,6 tỷ đồng. Dự án bắt đầu triển khai tháng 11/2011 và hoàn thiện đưa vào khai thác năm 2012 với tổng giá trị quyết toán công trình là 6,5 tỷ đồng.
 - Dự án đầu tư cụm xử lý nước Nhà máy nước Cần Thơ 1- giai đoạn 2 với tổng giá trị dự toán 5 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành trong năm 2011 với tổng giá trị quyết toán 5 tỷ đồng.
 - Dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp cụm xử lý nước 30.000m³/ngày Nhà máy nước Cần Thơ 1 theo Quyết định số 199/QĐ-CTN Ngày 17/7/2013 với tổng mức đầu tư là 12 tỷ đồng.
- 01 dự án đầu tư dở dang cụ thể:
 - Dự án đầu tư Nhà máy cấp nước thị trấn Phong Điền theo Quyết định số 165/QĐ-CTN ngày 20/6/2013 với tổng mức đầu tư dự toán là 13 tỷ đồng. Dự án đã được UBND huyện Phong Điền giao đất sạch và UBND TP Cần Thơ chấp thuận cho Công ty làm chủ đầu tư, sắp xếp bằng nguồn vốn vay thương mại. Công trình đang triển khai thi công, đang trong giai đoạn hoàn thiện kết thúc dự án. Phạm vi cung cấp nước là Thị trấn Phong Điền, xã Mỹ Khánh, xã Tân Thới và dọc tỉnh lộ 923.

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện 37 công trình mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước để mở rộng vùng phục vụ, cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát nước do ống cũ cụ thể:

- 16 dự án mở rộng mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài tuyến ống 15.500m, kinh

phí 18,057 tỷ đồng, đã quyết toán 16 công trình với giá trị 12,78 tỷ đồng.

- 06 dự án cải tạo ống cũ, tổng chiều dài 1.000m, kinh phí 2,17 tỷ đồng, đã quyết toán 05 công trình với giá trị 1,73 tỷ đồng.
- 15 dự án cải tạo ống chum phục vụ chống thất thoát nước, tổng chiều dài tuyến ống 3.300m, kinh phí 1,568 tỷ đồng, đã quyết toán 15 công trình với giá trị 1,03 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Công ty đã và đang triển khai các dự án :

- Đã và đang thi công 22 công trình mở rộng và cải tạo mạng lưới cấp nước, kinh phí 40 tỷ đồng. Trong đó có 02 tuyến ống chuyển tải D.600 Hòa Bình và D.400 Mậu Thân.
- 11 hạng mục tuyến ống đã lập hồ sơ nhưng chưa triển khai, dự kiến chuyển sang năm 2015.

6.3 Tình hình thực hiện đầu tư tài chính

✚ Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đến thời điểm 31/12/2013, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ là 115.857.000.000 đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại chi tiết như sau:

- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng: 2.667.000.000 đồng
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam: 2.440.000.000 đồng
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (*): 110.750.000.000 đồng

(*) Ghi chú: Khoản tiền gửi và lãi phát sinh tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam là tiền giữ hộ phí thoát nước thu được cho địa phương để vận hành dự án Thoát nước & xử lý nước thải.

✚ Đầu tư tài chính dài hạn

Đến thời điểm 31/12/2013, khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ là 116.292.856.533 đồng chi tiết như sau:

Đvt: đồng

Stt	Tên Công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
I.	Đầu tư vào Công ty con	115.408.856.533	
1	Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 (*)	50.665.036.149	100%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	29.600.052.394	86,07%

3	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc	24.883.256.442	60,46%
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn	10.260.511.548	85,49%
II.	Đầu tư dài hạn khác	884.000.000	
1	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	3.000.000.000	30%
2	Dự phòng giảm giá đầu tư Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	(2.116.000.000)	

(*) Công ty đã bàn giao vốn cho UBND TP Cần Thơ sau khi cổ phần hóa.

Thông tin chi tiết về các doanh nghiệp Công ty đầu tư:

1. Công ty TNHH một thành viên Cấp nước số 2.

Kể từ ngày 01/7/2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 đã cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 trực thuộc UBND TP Cần Thơ, không còn là Công ty trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ, do vậy giá trị đầu tư vào Công ty Cấp nước Số 2 được loại trừ 50.665.036.149 đồng.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt.

- Trụ sở: 537B Long Thạnh A, QL91, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt quản lý 01 Nhà máy nước và 02 Trạm cấp nước với tổng công suất 13.700m³/ngày:
 - o Nhà máy nước Thốt Nốt công suất 10.000m³/ngày.
 - o Trạm cấp nước Thạnh An công suất 1.200m³/ngày.
 - o Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh, công suất 2.500m³/ngày.
- Công ty chịu trách nhiệm cấp nước tại:
 - o Khu vực đô thị quận Thốt Nốt.
 - o Khu vực đô thị Thạnh An và thị trấn Vĩnh Thạnh.

3. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc.

- Trụ sở: Lô 12A, Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc quản lý 01 Nhà máy nước với tổng công suất 20.000m³/ngày.
- Công ty chịu trách nhiệm cấp nước tại:
 - o Khu Công nghiệp Trà Nóc.
 - o Khu dân cư phường Trà Nóc.

4. Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn.

- Trụ sở: Số 8, Kim Đồng, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn quản lý 01 Nhà máy nước và 02 Trạm cấp nước với tổng công suất $5.740\text{m}^3/\text{ngày}$:
 - o Nhà máy nước Ô Môn, công suất $2.400\text{m}^3/\text{ngày}$.
 - o Trạm cấp nước Thới Lai, công suất $2.500\text{m}^3/\text{ngày}$.
 - o Trạm Cấp nước Cờ Đỏ, công suất $840\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Công ty chịu trách nhiệm cấp nước:
 - o Khu vực đô thị quận Ô Môn.
 - o Khu vực đô thị huyện Thới Lai.
 - o Khu vực đô thị huyện Cờ Đỏ.

6.4 Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ hiện quản lý 03 Nhà máy nước với công suất $82.500\text{m}^3/\text{ngày}$ gồm:

1- Nhà máy nước Cần Thơ 1, công suất $70.000\text{m}^3/\text{ngày}$.



Nhà máy nước Cần Thơ 1 có diện tích 27.000m^2 gồm 03 cụm:

▪ **Cụm 1:** được xây dựng và đưa vào hoạt động năm 1973 với công suất $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$. Nhà máy do chính phủ Úc tài trợ, thiết kế và xây dựng. Sử dụng công nghệ lắng đứng acelator, công nghệ bể lọc hồ, lọc nhanh.

Nhà máy có 01 Trạm bơm nước sông với 03 bơm trục đứng của Ý: 2 bơm có công suất $900\text{m}^3/\text{h}$ và 01 bơm có công suất $650\text{m}^3/\text{h}$. Trạm bơm nước sạch có 03 bơm nước sạch của Ý và Pháp công suất mỗi bơm 160 KW, $840\text{m}^3/\text{h}$.

Năm 2013 Công ty đã sửa chữa, nâng công suất Nhà máy: lắp tấm lắng lamella, đan lọc HDPE, chống thấm bể lắng, bể lọc hoàn thành vào tháng 7/2014. Hiện nay cụm 01 có khả năng phát nước đạt 45.000m³/ngày.

Nhà máy có sử dụng máy phát điện dự phòng, Công suất 640 KVA, đảm bảo việc phát nước liên tục và lắp đặt đồng hồ điện từ D600 để đo lưu lượng nước phát ra, hệ thống biến tần điều chỉnh áp lực nước theo nhu cầu sử dụng nước.

▪ **Cụm 2:** được đầu tư và đưa vào sử dụng năm 2004, thiết kế theo công nghệ giống cụm 1, có công suất 20.000m³/ngày.

Cụm 2 có 01 Trạm bơm nước sông với 03 bơm trực đứng của Ý: Công suất 02 bơm 900m³/h và 01 bơm 650m³/h; Trạm bơm nước sạch có 03 bơm trực đứng của Ý, công suất 850m³/h và 540m³/h; có hệ thống xử lý bùn thải; hệ thống hầm chứa có thể nối với cụm 01 để cung cấp nước khi cần.

Giống cụm 01, cụm 02 cũng sử dụng máy phát, biến tần cho bơm nước sạch nhằm điều chỉnh áp lực, lưu lượng phù hợp và gắn đồng hồ siêu âm D600 để đo lượng nước phát ra.

Hệ thống bể phân phối nước sông của cụm 01 và cụm 02 được đấu nối với nhau, có thể hoạt động độc lập hoặc 01 trong 02 cụm có thể hỗ trợ cho nhau khi cần thiết.

▪ **Cụm 3 & 4:** gồm 02 cụm nhỏ, với tổng công suất 5.000m³/ngày.

Hệ thống xử lý cụm 3&4 có cấu tạo bằng thép: bể lắng ngang theo kiểu lamella, bể lọc áp lực. Hệ thống xử lý có đầy đủ bơm nước sông, bơm nước sạch, máy phát điện, biến tần, đồng hồ cơ đo lưu lượng nước phát ra. Tuy nhiên, hệ thống xử lý nước này mang tính đáp ứng nhanh cho việc thiếu nước sinh hoạt, do cấu tạo bằng thép nên tuổi thọ không bền và không có bể chứa nên việc vận hành cũng khó khăn.

2- Nhà máy nước Hưng Phú thuộc Xí nghiệp Cấp nước Hưng phú.



Nhà máy nước Hưng Phú được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2006 trên khu đất có diện tích đến 40.000m². Nhà máy có công suất 10.000m³/ngày, được thiết kế theo kiểu lắng Pulsator, bể lọc hồ, lọc nhanh với đan lọc HDPE hiện đại. Đây là Nhà máy được đầu tư tương đối hiện đại, chi phí vận hành thấp nhờ công nghệ lắng và lọc. Nhà máy có trạm bơm nước sông, công suất dự phòng có khả năng nâng cấp cho cụm xử lý 60.000m³/ngày.

Nhà máy được trang bị trạm điện, máy phát điện có công suất đến 1.000 KVA, đủ khả năng dự phòng để nâng công suất Nhà máy và hầm chứa dung tích 4.000m³ với trạm bơm nước sạch, 02 bơm trực đứng của Ý, công suất mỗi bơm 450m³/h. Nhà máy cũng sử dụng biến tần và công nghệ điều khiển scada có thể vận hành và theo dõi hoạt động của Nhà máy từ phòng điều khiển trung tâm.

Nhà máy nước Hưng Phú có hệ thống xử lý bùn hoàn chỉnh, đủ điều kiện để xả thải ra môi trường hoặc tận dụng nước rửa lọc cho lại bể lắng.

Hiện Nhà máy hoạt động hết công suất, đưa nước về trung tâm thành phố khoảng 3.500m³/ngày. Sử dụng đồng hồ siêu âm và đồng hồ cơ để đo nước phát ra tại Nhà máy và từng khu vực có lắp đồng hồ tổng.

3- Nhà máy cấp nước Bông Vang thuộc Chi nhánh cấp nước Bông Vang, công suất 2.500m³/ngày



Nhà máy nước Bông Vang được xây dựng và đưa vào sử dụng vào năm 2012 với công suất 2.500m³/ngày, sử dụng công nghệ giống cụm 3&4 của Nhà máy nước Cần Thơ 1. Tổng diện tích mặt bằng là 8.000m².

Nhà máy được làm bằng thép, lọc áp lực nên hiệu quả sử dụng không cao, tốn nhiều

điện năng, hóa chất; Trạm bơm nước sông không có cầu trạm hiện sử dụng bơm chìm, với 02 bơm công suất mỗi bơm 120m³/h; Khu xử lý lắng - lọc bằng thép, chỉ có ngăn chứa nước sạch, không có bể chứa: có 02 bơm nước sạch, công suất 120m³/h và tủ biến tần dùng điều khiển 02 bơm nước sạch. Hiện nay Nhà máy không có hệ thống xử lý bùn thải phải thải ra ao lắng bùn tạm trong khuôn viên Nhà máy.

Nhà máy được trang bị đầy đủ trạm điện, máy phát điện dự phòng, đồng hồ cơ đo lưu lượng nước phát ra có gắn dataloger truyền dữ liệu.

Hiện Nhà máy nước Bông Vang đã hoạt động hết công suất, về lâu dài, Công ty sẽ cải tạo, nâng công suất Nhà máy hoặc chuyển qua xây dựng Nhà máy xử lý nước bằng bê tông cốt thép, đảm bảo sử dụng lâu dài.

Tất cả các Nhà máy trực thuộc Công ty đều có trang bị máy móc, hóa chất để kiểm tra nhanh 03 chỉ tiêu: pH, Độ đục, Clo dư và tập huấn nhân viên để giám sát liên tục chất lượng nước 24/24. Phòng Quản lý chất lượng nước được trang bị máy quang phổ có khả năng kiểm tra các chỉ tiêu ở cấp độ A (14 chỉ tiêu). Phòng luân phiên lấy mẫu nước sạch, nước sông ở các Nhà máy và trên các tuyến ống cấp nước của Công ty; hỗ trợ kiểm tra chất lượng nước của các Công ty thành viên do vậy chất lượng nước của Công ty được giám sát chặt chẽ và đạt quy chuẩn 01 của Bộ Y tế.

Các Nhà máy đều gắn đồng hồ tổng đo lượng nước phát ra: 01 đồng hồ điện tử của Mỹ, 02 đồng hồ siêu âm của Ý và 03 đồng hồ cơ (loại D200 cho cụm 3&4 Nhà máy nước Cần Thơ 1 và Nhà máy nước Bông Vang). Đồng hồ của khách hàng sử dụng đồng hồ cấp B, có kích cỡ từ 15mm đến 150mm tùy theo nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

Việc ghi chỉ số đồng hồ theo chu kỳ tháng đối với đồng hồ nhỏ và hàng tuần đối với khách hàng lớn, tất cả nhân viên ghi đồng hồ nước đều được trang bị máy cầm tay hoặc điện thoại di động có cài sẵn chương trình quản lý khách hàng tiện lợi cho việc truy cập và quản lý.

Về mạng lưới cấp nước: cho đến nay tổng chiều dài mạng lưới cấp nước toàn thành phố Cần Thơ là trên 330km với tình trạng ống tốt vào khoảng 64%, trung bình 19%, kém 8% gồm:

- Mạng lưới đường ống cấp 1: Với chức năng chủ đạo là truyền dẫn nước tới các khu vực tiêu thụ nước trong mạng lưới để cân bằng áp lực trong hệ thống. Mạng lưới được cấu tạo theo kiểu mạng vòng, đường ống có kích cỡ từ D600 đến D300.

- Mạng lưới đường ống cấp 2: Với chức năng phân phối nước từ mạng lưới đường ống cấp 1 đến các tiểu khu vực dùng nước trong các ô quy hoạch. Mạng lưới đường ống này cũng được cấu tạo theo kiểu mạng vòng với kích cỡ đường ống từ D250 đến D100.

- Mạng lưới đường ống cấp 3: Có nhiệm vụ trực tiếp cung cấp nước đến các hộ tiêu thụ, mạng lưới đường ống cấp 3 được đấu nối trực tiếp với các tuyến ống cấp 2, kích cỡ đường ống từ D60 đến D34.

Khoảng 8% mạng lưới cấp nước đã vận hành trên 40 năm, quá thời gian sử dụng nhưng vẫn đang vận hành và có hiện tượng rò rỉ, xì bễ nhiều nơi (kể cả ống chuyển tải, phân phối và ống nhánh) ảnh hưởng đến tỷ lệ thất thoát nước. Hằng năm Công ty tiến hành mở rộng và cải tạo mạng lưới cấp nước bình quân mỗi năm 20.000m ống các loại với mục tiêu ngày càng tinh giảm tỷ lệ thất thoát nước.

6.5 Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Số liệu chi tiết tình hình tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ được tóm tắt ở bảng sau:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Vốn chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi)	203.563	211.266	228.710
2	Nợ phải trả	199.307	203.740	200.086
2.1	Nợ ngắn hạn	67.889	47.660	47.041
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>			
2.2	Nợ dài hạn	131.419	156.079	153.045
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>			
3	Nợ phải thu	24.840	41.141	33.945
	<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>			
4	Tổng số lao động	251	299	299
5	Tổng quỹ lương	15.360	23.404	28.628
6	Thu nhập bình quân của người lao động	5.246	7.160	8.226
7	Tổng doanh thu	109.568	132.804	143.360
8	Tổng chi phí	96.545	112.734	117.136

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
9	Lợi nhuận trước thuế	13.023	20.070	26.225
10	Lợi nhuận sau thuế	10.387	16.744	21.267
11	Tổng tài sản	402.870	415.005	428.796
12	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	11.185	5.400	7.967
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu	5,10%	7,93%	9,30%

Cùng với nỗ lực phân đấu của toàn thể CBCNV Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ và sự hỗ trợ nhiệt tình của chính quyền các cấp thành phố Cần Thơ trong thời gian qua đã giúp hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển, mang lại kết quả kinh doanh khá khả quan, doanh thu và lợi nhuận 3 năm trước thời điểm cổ phần hóa liên tục gia tăng với tốc độ cao tuy nhiên không đều qua các năm: Năm 2011 doanh thu đạt 109,5 tỷ đồng mang lại 10,38 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; năm 2012 doanh thu tăng 21,21% so với cùng kỳ đạt 132,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 16,7 tỷ đồng tăng 61,2% lợi nhuận năm 2011; doanh thu năm 2013 đạt 143,36 tỷ đồng tăng 7,95% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận tăng đến 27,01% so với cùng kỳ. Nhờ đó tỷ suất lợi nhuận mang lại trên vốn chủ sở hữu những năm qua liên tục tăng trưởng: năm 2011 tỷ suất lợi nhuận trên vốn chỉ đạt 5,1% thì đến năm 2013 đã tăng lên 9,3%.

Tổng tài sản Công ty tại ngày 31/12/2013 là 428,79 tỷ đồng, chủ yếu là tài sản dài hạn (chiếm 60,23% trong đó 30,5% đầu tư tài sản cố định; 27,12% đầu tư tài chính vào các Công ty con); trong 39,77% tài sản còn lại thì chủ yếu là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở lên tại các ngân hàng thương mại (chiếm 27,02% tổng tài sản Công ty), các khoản phải thu và tồn kho chỉ chiếm khoảng 5% tổng tài sản. Khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên chủ yếu là nguồn vốn nợ phải trả tiền lãi và phí xử lý nước thải giữ hộ cho địa phương để vận hành dự án Thoát nước & Xử lý nước thải Cần Thơ.

Chi tiết các khoản nợ phải thu của Công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

NỢ PHẢI THU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Phải thu ngắn hạn	5.840	25.005	22.824
Phải thu của khách hàng	4.672	19.574	10.379
Trả trước cho người bán	2.773	4.112	9.196

NỢ PHẢI THU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Các khoản phải thu khác	-	2.924	4.102
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.605)	(1.605)	(852)
Phải thu dài hạn	19.000	16.136	11.121
Phải thu dài hạn của khách hàng	2.668	2.102	1.664
Phải thu dài hạn khác	16.332	14.035	10.667
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	(1.210)
Tổng Cộng	24.840	41.141	33.945

Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Nợ ngắn hạn	67.889	47.660	47.041
Vay và nợ ngắn hạn	31.042	27.437	29.378
Phải trả người bán	10.877	4.937	1.900
Người mua trả tiền trước	19.313	3.668	559
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	726	675	1.380
Phải trả người lao động	1.397	-	598
Chi phí phải trả	207	-	7.891
Các khoản phải trả, phải nộp khác	87	5.477	1.606
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.240	5.466	3.729
Nợ dài hạn	131.419	156.079	153.045
Phải trả dài hạn khác (*)	103.780	133.411	145.682
Vay và nợ dài hạn	26.788	21.835	7.344
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	851	833	19
Tổng nợ phải trả	199.307	203.740	200.086

(*) Khoản phải trả dài hạn khác chi tiết như sau:

PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Phải trả phí xử lý nước thải	83.846	99.407	114.321
Tiền lãi phí xử lý nước thải	14.468	20.152	27.003
Phải trả dài hạn khác	5.466	13.852	4.358
TỔNG CỘNG	103.780	133.411	145.682

6.6 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong

năm báo cáo

✚ Thuận lợi

- Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao.
- Hiện nay nhu cầu tiêu dùng nước sạch của các hộ dân trong thành phố Cần Thơ khá lớn tuy nhiên khả năng cung ứng vẫn còn hạn chế vì điều kiện tự nhiên và dân cư phân tán nên đến nay Công ty vẫn chỉ mới cung cấp cho các vùng dân cư tập trung trong vùng Công ty phục vụ. Do vậy tiềm năng phát triển mở rộng ngành trong thời gian tới là khá lớn và rộng mở với cầu luôn luôn vượt cung như hiện nay.
- Là một trong những Công ty có bề dày lịch sử lâu đời và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thành phố nên Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Thành ủy, UBND thành phố Cần Thơ, nhận được sự hỗ trợ kịp thời của các sở ban ngành trong thành phố tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Với phương thức hoạt động kinh doanh phát triển bền vững dựa trên nền tảng giá trị gia tăng ngày càng cao cho người dân tại địa phương và trách nhiệm người lao động trong Công ty, nên những năm qua Công ty luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền và sự gắn bó lâu dài, xây dựng cùng phát triển của toàn thể CBCNV Công ty.

✚ Khó khăn

- Thời gian qua dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Các chi phí sản xuất kinh doanh đồng loạt tăng giá và biến động bất thường như: giá điện, giá xăng dầu, chi phí nhân công, chi phí nhiên liệu phụ, chi phí lãi vay cao... Nhưng giá nước đầu ra không được điều chỉnh kịp thời, mãi đến tháng 4/2013 Công ty mới được tăng giá bán nước đã áp dụng từ năm 2009.
- Thành phố Cần Thơ đang trong quá trình chỉnh trang đô thị, một số tuyến đường nâng cấp mở rộng làm ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, các công trình hạ tầng khác thi công một số nơi chưa báo trước cho đơn vị quản lý làm hư hỏng tuyến ống cấp nước gây thất thoát nước của Công ty.
- Hiện nay khoảng 8% mạng lưới thoát nước đã vận hành trên 40 năm, quá thời gian

- sử dụng nhưng vẫn đang vận hành và có hiện tượng rò rỉ, xì bể ảnh hưởng đến tỷ lệ thất thoát của Công ty và chi phí cải tạo, nâng cấp lại mạng lưới hoạt động yếu kém.
- Hệ thống thoát nước của thành phố Cần Thơ còn thiếu đồng bộ, tình trạng xây dựng lấn chiếm các kênh rạch của các hộ dân ngày càng nhiều, dẫn đến dòng chảy ngày càng bị thu hẹp. Mặt khác, nguồn kinh phí vận hành bảo dưỡng hệ thống thoát nước còn hạn chế, nên gây không ít khó khăn cho công tác vận hành và bảo dưỡng, xử lý ngập lụt hệ thống thoát nước.
 - Một số khu vực vùng ven dân cư sống không tập trung, sống ven kênh rạch, tập quán sử dụng nước của một số hộ dân chưa thay đổi, do đó đầu tư kém hiệu quả.
 - Mặt khác, một số khu vực đã quy hoạch nhưng các chủ đầu tư chậm triển khai, nên Công ty không thể đầu tư hệ thống cấp nước trong khi thực trạng môi trường nước bị ô nhiễm chưa được cải thiện gây bức xúc cho người dân, ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tổng giá trị tài sản của Công ty

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 trước khi xác định giá trị doanh nghiệp là: 428.796.085.802 đồng.

Trong đó :

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn : 170.535.107.219 đồng
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn : 258.260.978.583 đồng

Sau khi xử lý tài chính trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp số liệu sổ sách điều chỉnh đã được UBND thành phố Cần Thơ chấp thuận như sau:

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tăng thêm: 2.742.094.568 đồng
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn giảm: (52.467.457.503) đồng

Tổng tài sản sau xử lý tài chính: 434.831.727.848 đồng

Trong đó:

- Tài sản đang dùng : 379.070.722.867 đồng
- Tài sản không cần dùng : 55.761.004.981 đồng
- Tài sản chờ thanh lý : 0 đồng

Cụ thể tài sản đang dùng sau xử lý tài chính như sau :

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	173.277.201.787 đồng
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.793.481.802 đồng
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	115.857.000.000 đồng
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	23.672.752.994 đồng
1. Phải thu khách hàng	10.378.945.131 đồng
2. Trả trước cho người bán	9.195.517.448 đồng
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	0 đồng
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0 đồng
5. Các khoản phải thu khác	4.098.290.415 đồng
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	0 đồng
IV. Hàng tồn kho	25.323.892.429 đồng
1. Hàng tồn kho	25.323.892.429 đồng

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	0 đồng
V. Tài sản ngắn hạn khác	630.074.562 đồng
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	108.519.883 đồng
2. Thuế GTGT được khấu trừ	0 đồng
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	453.929.679 đồng
5. Tài sản ngắn hạn khác	67.625.000 đồng
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	205.793.521.080 đồng
I. Các khoản phải thu dài hạn	12.331.131.593 đồng
II. Tài sản cố định	122.979.046.472 đồng
1. Tài sản cố định hữu hình	103.262.328.097 đồng
- Nguyên giá	183.015.344.701 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(79.753.016.604) đồng
2. Tài sản cố định thuê tài chính	0 đồng
- Nguyên giá	0 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	0 đồng
3. Tài sản cố định vô hình	105.300.000 đồng
- Nguyên giá	263.250.000 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(157.950.000) đồng
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.611.418.375 đồng
III. Bất động sản đầu tư	0 đồng
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	67.743.820.384 đồng
1. Đầu tư vào Công ty con	64.743.820.384 đồng
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	3.000.000.000 đồng
3. Đầu tư dài hạn khác	0 đồng
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	0 đồng
V. Tài sản dài hạn khác	2.739.522.631 đồng
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.739.522.631 đồng
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0 đồng
3. Tài sản dài hạn khác	0 đồng
2. Thực trạng về tài sản cố định	

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác

định giá trị doanh nghiệp (31/12/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau :

Đvt: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	183.015.344.701	79.753.016.604	103.262.328.097
- Nhà cửa, vật kiến trúc	64.240.637.334	33.916.665.153	30.323.972.181
- Máy móc thiết bị	44.977.908.535	23.440.648.142	21.537.260.393
- Phương tiện vận tải	71.156.814.014	20.588.203.849	50.568.610.165
- TSCĐ hữu hình khác	2.639.984.818	1.807.499.460	832.485.358
Tài sản cố định vô hình	263.250.000	157.950.000	105.300.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			19.611.418.375

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc của Công ty, Nhà máy sản xuất.
- **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- **Phương tiện vận tải:** Bao gồm các xe ô tô con, phương tiện di chuyển phục vụ công tác và các loại xe tải, xe cầu, ... phục vụ sản xuất.
- **Thiết bị quản lý:** Chủ yếu phục vụ cho công tác văn phòng.

3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

STT	Tên dự án, công trình	Diện tích m ²	Địa điểm	Tình trạng pháp lý - Thời hạn sử dụng	Tình trạng sử dụng	Giá trị tính vào GTDN (đồng)
1	Khu nhà văn phòng Công ty	2.139,9	Số 2A Nguyễn Trãi, Quận Ninh Kiều	- Giấy CNQSD đất số AĐ 319462 ngày 25/4/2006, Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 20/12/13 của UBND TP Cần Thơ. - Thời hạn thuê: 50 năm	Trụ sở Công ty	-
2	Nhà máy nước Cần Thơ 1	27.457,1	Đường 30/4. Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều	- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 V/v điều chỉnh tên đơn vị thuê đất. - Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của UBND TP Cần Thơ V/v điều chỉnh điều chỉnh diện tích thuê đất. - Thời hạn thuê: 50 năm	Nhà máy sản xuất nước sạch và văn phòng làm việc Chi nhánh cấp nước số 1	-
3	Chi nhánh cấp nước An Bình	176,2	302-304 KDC Hồng Phát, KV4 P. An Bình, Q.Ninh Kiều TP/CT	- Giấy CNQSD đất số AH 857266 và AH 857267 do UBND TP Cần Thơ cấp ngày 19/7/2007. - Thời hạn thuê: 50 năm	Văn phòng làm việc Chi nhánh	-
4	Chi nhánh cấp nước Bông Vang	8.322	17 Ấp Mỹ Phước – Xã Mỹ Khánh	- Giấy CNQSD đất Số BN 852901 ngày 03/6/2013 - Thời hạn thuê: 50 năm	Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất nước sạch	-
5	NMN Thị Trấn Phong Điền (Rạch Chuối).	1.836,2	Thị Trấn Phong Điền, Huyện Phong Điền	- Giấy CN QSDĐ cấp ngày 25/01/2014 Số BQ 806942 - Thời hạn thuê: 50 năm	Nhà máy sản xuất nước sạch	-
6	Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú	45.713,5	Khu Vực Thạnh Hòa, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.	QĐ số 4011/QĐ-UB ngày 27/12/2001 QĐ của UBND tỉnh Cần Thơ V/v quy hoạch đất xây dựng NMN Hưng Phú.	Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất nước sạch	-
7	Trạm bơm An Bình	72,4	Phường An Bình, quận Ninh Kiều	Đất nằm trong lộ giới quy hoạch	Trạm bơm tăng áp An Bình	-

4. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2013 như sau :

Tổng nguồn vốn của Công ty là 428.796.085.802 đồng tính đến thời điểm 31/12/2013, bao gồm :

a. Tổng số nợ phải trả :	200.085.957.255 đồng
<i>(Nợ phải trả điều chỉnh lại khi xác định giá trị doanh nghiệp: 200.008.739.112 đồng)</i>	
b. Vốn chủ sở hữu:	228.710.128.547 đồng
Trong đó :	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	136.158.221.209 đồng
- Vốn khác thuộc chủ sở hữu:	21.114.520.974 đồng
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản:	0 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	44.775.323.356 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính:	8.938.925.190 đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ:	0 đồng
- Nguồn vốn đầu tư XDCB:	0 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối:	17.723.137.818 đồng
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:	0 đồng
<i>(Vốn chủ sở hữu điều chỉnh lại khi xác định giá trị doanh nghiệp: 179.061.983.755 đồng)</i>	

Tình hình công nợ của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 trước khi xác định giá trị doanh nghiệp sau xử lý tài chính

a. Công nợ phải thu:	36.003.884.587 đồng
Công nợ phải thu ngắn hạn	23.672.752.994 đồng
- Phải thu của khách hàng:	10.378.945.131 đồng
- Trả trước cho người bán:	9.195.517.448 đồng
- Các khoản phải thu khác:	4.098.290.415 đồng
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi:	0 đồng
Công nợ phải thu dài hạn	12.331.131.593 đồng
- Phải thu dài hạn của khách hàng	1.664.261.772 đồng

- Phải thu dài hạn khác	10.666.869.821 đồng
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	0 đồng
b. Công nợ phải trả:	200.008.739.112 đồng
Nợ ngắn hạn:	46.982.849.483 đồng
- Vay và nợ ngắn hạn	29.377.988.220 đồng
- Phải trả người bán	1.899.719.890 đồng
- Người mua trả tiền trước	559.435.287 đồng
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.379.683.923 đồng
- Phải trả cho người lao động	597.623.192 đồng
- Chi phí phải trả	7.891.176.521 đồng
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.528.461.072 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.729.290.845 đồng
Nợ dài hạn:	153.045.360.162 đồng
- Phải trả dài hạn khác	145.681.786.238 đồng
- Vay và nợ dài hạn:	7.344.103.391 đồng

5. Thực trạng về lao động

5.1 Tổng số lao động

Tại thời điểm ngày 8/12/2014, tổng số CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 299 người, trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	299	
- Trên đại học	6	2,01%
- Trình độ đại học	92	30,77%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	59	19,73%
- Trình độ khác	142	47,49%
Phân theo loại hợp đồng lao động	299	
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	3	1,00%
- Hợp đồng không thời hạn	262	87,63%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	34	11,37%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo giới tính	299	
- Nam	240	80,27%
- Nữ	59	19,73%

Danh sách lao động theo Phụ lục đính kèm.

5.2 Các tổ chức đoàn thể

5.2.1 Đảng ủy Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ

Hiện nay, Đảng bộ có 82 Đảng viên, Ban chấp hành Đảng bộ Công ty là 09 đồng chí.

Hoạt động của Đảng bộ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ, từ năm 2011-2013 liên tục được công nhận là tổ chức cơ sở Đảng “Trong sạch, vững mạnh”.

5.2.2 Công đoàn Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ

Công đoàn Công ty gồm có 294 đoàn viên (Ban chấp hành là 6 đồng chí).

Hoạt động của Công đoàn cơ sở Công ty. Năm 2011-2013 được công nhận là “Công đoàn cơ sở vững mạnh, xuất sắc”.

5.2.3 Đoàn Thanh niên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ

Đoàn thanh niên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa, có tất cả 49 đoàn viên (Ban chấp hành là 7 đồng chí).

Đoàn Thanh niên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ nhiều năm được công nhận xếp loại “Đoàn cơ sở vững mạnh, xuất sắc” và Bằng khen Thành đoàn.

6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Tiến hành bàn giao, thanh lý các tài sản không cần dùng, chờ thanh lý đã được phân loại khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.

Hoàn tất các thủ tục thuê đất với UBND thành phố Cần Thơ trước khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

- Công văn số 786/TTg-ĐMDN ngày 11/6/2012 của Thủ Tướng Chính Phủ v/v phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Cần Thơ giai đoạn 2011-2015.
- Công văn số 70/UBND-KT ngày 08/01/2013 của UBND thành phố Cần Thơ v/v phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc thành phố Cần Thơ quản lý giai đoạn 2011-2015.
- Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Quyết định số 187/QĐ-STC ngày 28/11/2013 của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Công văn số 2732/UBND-KT ngày 10/6/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Mục tiêu của việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ theo chủ trương của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP như sau:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của CBCNV trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong

tương lai.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND thành phố Cần Thơ, đây là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác tổ chức và quản lý trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hóa diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa cho CBCNV được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể CBCNV của Công ty đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hóa Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty số 3602/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND thành phố Cần Thơ. Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa thể hiện ở bảng sau:

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	379.070.722.867	440.877.139.963	61.806.417.096

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	205.793.521.080	267.085.241.286	61.291.720.206
1. Tài sản cố định	103.367.628.097	158.401.802.844	55.034.174.747
a. TSCĐ hữu hình	103.262.328.097	158.296.502.844	55.034.174.747
b. TSCĐ vô hình	105.300.000	105.300.000	-
b. TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	67.743.820.384	73.641.136.348	5.897.315.964
3. Chi phí XDCB dở dang	19.611.418.375	19.611.418.375	-
4. Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)	12.331.131.593	12.331.131.593	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	2.739.522.631	3.099.752.126	360.229.495
- Chi phí trả trước dài hạn	2.739.522.631	2.739.522.631	-
- Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết chi phí	-	360.229.495	360.229.495
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	173.277.201.787	173.277.407.420	205.633
1. Tiền:	7.793.481.802	7.793.687.435	205.633
+ Tiền mặt tồn quỹ	64.578.564	64.578.600	36
+ Tiền gửi ngân hàng	7.728.903.238	7.729.108.835	205.597
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.857.000.000	115.857.000.000	-
3. Các khoản phải thu	23.672.752.994	23.672.752.994	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	25.323.892.429	25.323.892.429	-
5. Tài sản lưu động khác	630.074.562	630.074.562	-
6. Chi phí sự nghiệp			
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	514.491.257	514.491.257
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	55.761.004.981	55.761.004.981	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	55.761.004.981	55.761.004.981	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1. Tài sản cố định	5.095.968.832	5.095.968.832	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	50.665.036.149	50.665.036.149	
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, KT (Không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	434.831.727.848	496.638.144.944	61.806.417.096
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	379.070.722.867	440.877.139.963	61.806.417.096
E1. Nợ thực tế phải trả	200.008.739.112	200.008.739.112	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	179.061.983.755	240.868.400.851	61.806.417.096

• **Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

○ Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp

- Giá trị sổ sách: 379.070.722.867 đồng
- Giá trị đánh giá lại: 440.877.139.963 đồng

- Chênh lệch: 61.806.417.096 đồng
- o Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
 - Giá trị sổ sách: 179.061.983.755 đồng
 - Giá trị đánh giá lại: 240.868.400.851 đồng
 - Chênh lệch: 61.806.417.096 đồng

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần là “Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”

2. Thông tin doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

2.1 Thông tin doanh nghiệp

- Tên công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ.**
- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: CAN THO WATER SUPPLY – SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: CANTHOWASSCO.
- Trụ sở chính: Số 2A Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 07103.810188 Fax: 07103.810188
- Website: www.ctn-can Tho.com.vn
- E-mail: ctncan Tho@gmail.com



- Logo Công ty:

2.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất nước sạch; Kinh doanh nước sạch.	3600 (chính)
Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Dịch vụ rút hầm tự hoại; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải).	3700
Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết : Dặm vá đường	4330
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Khảo sát địa hình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát địa hình; Thiết kế công trình cấp thoát nước.	7110
Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng	4290
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước	4659
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước	3290

2.3 Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó

Nhà nước nắm giữ 64% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

3.1 Quyền hạn của Công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ chuyển sang.
- Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.

3.2 Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và phương thức bán cổ phần

4.1 Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tỷ đồng*).

Mệnh giá 1 cổ phần: 10.000 đồng.

Tổng số cổ phần phát hành lần đầu: 28.000.000 cổ phần phổ thông.

4.2 Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ là 280.000 triệu đồng			
		Số lượng Cổ phần	Số tiền (tr.đồng)	Tỷ lệ nắm giữ	Hình thức mua cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước	17.920.000	179.200	64,00%	
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	530.300	5.303	1,9%	
	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác</i>	<i>334.600</i>	<i>3.346</i>	<i>1,20%</i>	
	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc</i>	<i>195.700</i>	<i>1.957</i>	<i>0,70%</i>	

TT	Cổ đông	Vốn điều lệ là 280.000 triệu đồng			
		Số lượng Cổ phần	Số tiền (tr.đồng)	Tỷ lệ nắm giữ	Hình thức mua cổ phần
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	4.774.850	47.748,5	17,05%	Đấu giá
4	Cổ phần bán đối tác chiến lược	4.774.850	47.748,5	17,05%	Chào bán riêng lẻ
	Tổng Cộng	28.000.000	280.000	100,00%	

Giá khởi điểm dự kiến : 10.000 đồng/cổ phần.

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: CBCNV Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP).

5.2 Cổ phần bán cho CBCNV

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

Căn cứ các quy định của Pháp luật có liên quan, các đối tượng được mua cổ phần với giá ưu đãi là người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Theo đó, các đối tượng được mua cổ phần bao gồm:

- Ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP:
 - Các chức danh quản lý doanh nghiệp không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động;
 - Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
 - Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có

thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

- Người lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, chờ việc theo Quyết định của giám đốc doanh nghiệp.
- Ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP:
- Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
 - Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.
- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 08/12/2014 (thời điểm UBND thành phố ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) là: 299 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 288 người.
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 3.346 năm.

Bảng tổng hợp cổ phần chào bán cho người lao động:

TT	Tiêu chí phân loại cổ phần mua ưu đãi	Số lượng CBCNV được mua ưu đãi	Số cổ phần ưu đãi	Giá ưu đãi
1	Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (*)	288	334.600	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất
2	Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp	111	168.200	Bằng với giá đấu thành công thấp

	trong thời hạn ít nhất là 03 năm sau CPH (**)			nhất
3	Người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp sau CPH (***)	7	27.500	Bằng với giá đầu thành công thấp nhất
	Tổng Cộng		530.300	

(*) Người lao động thuộc đối tượng này được mua theo thâm niên thực tế làm việc tại khu vực nhà nước tính tròn năm 12 tháng trừ đi số cổ phần đã được mua ưu đãi tại Công ty cổ phần hóa khác.

(**) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 2.000 CP/người.

(***) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 5.000 CP/người.

Danh sách người lao động, số năm công tác của từng người, số cổ phần được mua ưu đãi của từng người được nêu chi tiết trong Phụ lục đính kèm.

5.3 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 4.774.850 cổ phần, với tổng mệnh giá là 47.748.500.000 đồng cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm dự kiến từ 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến Quý 2/2015 sau khi có Quyết định của UBND thành phố phê duyệt Phương án chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ thành Công ty cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/6/2009, các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

5.4 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Công ty xây dựng tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược theo Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

✚ **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:** Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo các tiêu chí sau:

1. Năng lực tài chính.
2. Ngành nghề kinh doanh chính.
3. Thiện chí và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty.
4. Tỷ lệ tham gia mua cổ phần.

Nhà đầu tư chiến lược không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 5 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

✚ **Số lượng nhà đầu tư chiến lược được chọn**

Với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như trên, sau khi UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ sẽ lựa chọn 02 (hai) nhà đầu tư chiến lược trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa và UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt.

Hiện nay có 02 (hai) nhà đầu tư chiến lược đăng ký làm cổ đông chiến lược của Công ty như sau:

- 1- Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đăng ký tham gia 12,05% vốn điều lệ.
- 2- Công ty TNHH TM DV kỹ thuật Đức Hùng đăng ký tham gia 5% vốn điều lệ.

✚ **Tổng số cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, tổng số cổ phần dự kiến chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 4.774.850 cổ phần, tương đương 17,05% vốn điều lệ của Công ty.

✚ **Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược**

Công ty sẽ thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi thực hiện bán đấu giá công khai ra công chúng.

✚ Phương thức và giá bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Phương thức bán: Phương pháp thỏa thuận trực tiếp.
- Giá bán: Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

✚ Đặt cọc

Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

6.1 Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2 Phương thức phát hành:

- Phương thức bán cổ phần lần đầu: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
- Tổ chức đấu giá công khai: Thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Đơn vị tư vấn tổ chức bán đấu giá: Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí.
- Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược thông qua hình thức thỏa thuận trực tiếp với giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất cuộc bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt ngay sau khi bán cổ phần ra công chúng.

7. Chi phí cổ phần hóa

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **379.070.722.867** đồng, dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ là 500.000.000 đồng, trong đó bao gồm các khoản mục chính sau: *Dvt: đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
A	Các khoản chi trực tiếp tại đơn vị	120.000.000
1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ cổ phần hóa	5.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	10.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng Điều lệ	50.000.000
4	Chi phí tổ chức đại hội CNV chức để triển khai CPH	10.000.000
5	Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	10.000.000
6	Chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá cổ phần	25.000.000
7	Chi phí tổ chức đại hội cổ đông lần đầu	10.000.000
B	Chi phí thuê dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần	120.000.000
C.	Thù lao Ban chỉ đạo CPH	230.400.000
1	Ban chỉ đạo	144.000.000
2	Tổ giúp việc	86.400.000
D	Chi phí khác & dự phòng	29.600.000
	Cộng	500.000.000

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết như sau: Đvt: đồng

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	280.000.000.000

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp (sau khi đánh giá lại)	(b)	240.868.400.851
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	(c)	99.461.600.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước		2.007.600.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo cam kết làm việc		1.957.000.000
3.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		47.748.500.000
3.3	Thu từ bán cho đối tác chiến lược		47.748.500.000
4	Giá trị thặng dư cổ phần phát hành thêm để lại DN(gồm giá trị giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài)	(d)	-
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = (a) - (b)	39.131.599.149
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(f)=[(c)-(d)] x [(d)/(a)]	-
8	Sắp xếp lao động dôi dư	(g)	445.503.495
9	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	(c) – (e) – (f)-(g)	59.384.497.356

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi phí sắp xếp lao động dôi dư theo chế độ Nhà nước quy định. Phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

9. Đăng ký giao dịch và niêm yết

Theo quy định tại Mục 3, Điều 14 của Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh

ngành, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Phương án sắp xếp lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	299	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	3	
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động	296	
	<i>a) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn</i>	262	
	<i>b) Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng</i>	34	
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i>	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	08	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	06	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	<i>a) Hết hạn hợp đồng lao động</i>	0	
	<i>b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động</i>	0	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	<i>c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật</i>	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0	
	<i>a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP</i>	02	
	<i>b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm</i>	0	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	291	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	291	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	0	
	<i>a) Ốm đau</i>	0	
	<i>b) Thai sản</i>	3	
	<i>c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0	
	<i>a) Nghĩa vụ quân sự</i>	0	
	<i>b) Nghĩa vụ công dân khác</i>	0	
	<i>c) Bị tạm giam, tạm giữ</i>	0	

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	291	100%
Phân theo trình độ lao động		
- Trên đại học	6	2,06%
- Trình độ đại học	92	31,62%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	59	20,27%
- Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	134	46,05%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo loại hợp đồng lao động	291	
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	3	1,03%
- Hợp đồng không thời hạn	254	87,29%
- Hợp đồng thời hạn từ 1 - 3 năm	34	11,68%
- Hợp đồng thời vụ (dưới 3 tháng)	0	0,00%
Phân theo giới tính	291	
- Nam	233	80,07%
- Nữ	58	19,93%

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm

11. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty áp dụng theo Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ có 02 lao động dôi dư không sắp xếp, bố trí được công việc khi chuyển thành Công ty cổ phần và 06 lao động về hưu sớm theo quy định. Các đối tượng lao động này sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách đối với lao động dôi dư quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định 91/2010/NĐ-CP. Tổng mức hỗ trợ dự kiến người lao động được hưởng tính đến thời điểm 08/12/2014 là 445.503.495 đồng.

Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu:

“1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết chế độ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị định này và chế độ thôi việc, mất việc làm theo quy định của Bộ Luật lao động cho người

lao động không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này từ Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm. Trường hợp không đủ thì được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Quỹ Bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các quy định của Nghị định này.

3. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo phân cấp tại Điều 7 Nghị định này chịu trách nhiệm chi trả:

a) Các chế độ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm b, c và d khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

b) Số tiền mà Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này (nếu có).”

Do đó tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dự kiến là **445.503.495** đồng trong đó:

- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ chi trả: 0 đồng
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp chi trả: 445.503.495 đồng

Nguồn kinh phí chi trả cho người lao động sẽ được quyết toán theo số liệu thực tế chi trả cho người lao động tại thời điểm người lao động chính thức nghỉ việc.

12. Phương án sử dụng đất

Công ty sẽ tiếp tục sử dụng toàn bộ 07 khu đất đang quản lý và sử dụng trước đây sau chuyển sang Công ty cổ phần theo đúng phương án sử dụng đã được UBND TP Cần Thơ phê duyệt tại Văn bản số 6675/UBND-KT ngày 25/12/2014. Cụ thể như sau:

1. Số 2A Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: **2.139,9** m²
- Hình thức sở hữu: Đất thuê
- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc Công ty

2. Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: 27.457,1 m²
- Hình thức sở hữu: Đất thuê
- Mục đích sử dụng: Nhà máy sản xuất nước sạch Cần Thơ 1

3. 302-304 KDC Hồng Phát, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: 176,2 m²
- Hình thức sở hữu: Đất thuê (Giấy CNQSD đất số AH 857266, AH 857267 ngày 19/7/2004)
- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc Chi nhánh cấp nước An Bình.

4. Số 17 ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: **8.322 m²**
- Hình thức sở hữu: Đất thuê
- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc Chi nhánh cấp nước Bông Vang.

5. Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: **1.836,2 m²**
- Hình thức sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 806942 ngày 25/01/2014
- Mục đích sử dụng : Xây dựng Nhà máy sản xuất nước Rạch Chuối

6. Khu vực Thạnh Hòa, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: **45.713,5 m²**
- Hình thức sở hữu: Đất thuê
- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc và Nhà máy sản xuất nước sạch Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú

7. Phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- Diện tích khu đất: **72,4 m²**
- Hình thức sở hữu: Đất thuê (đất hiện đang nằm trong lộ giới quy hoạch)
- Mục đích sử dụng: Trạm bơm tăng áp An Bình.

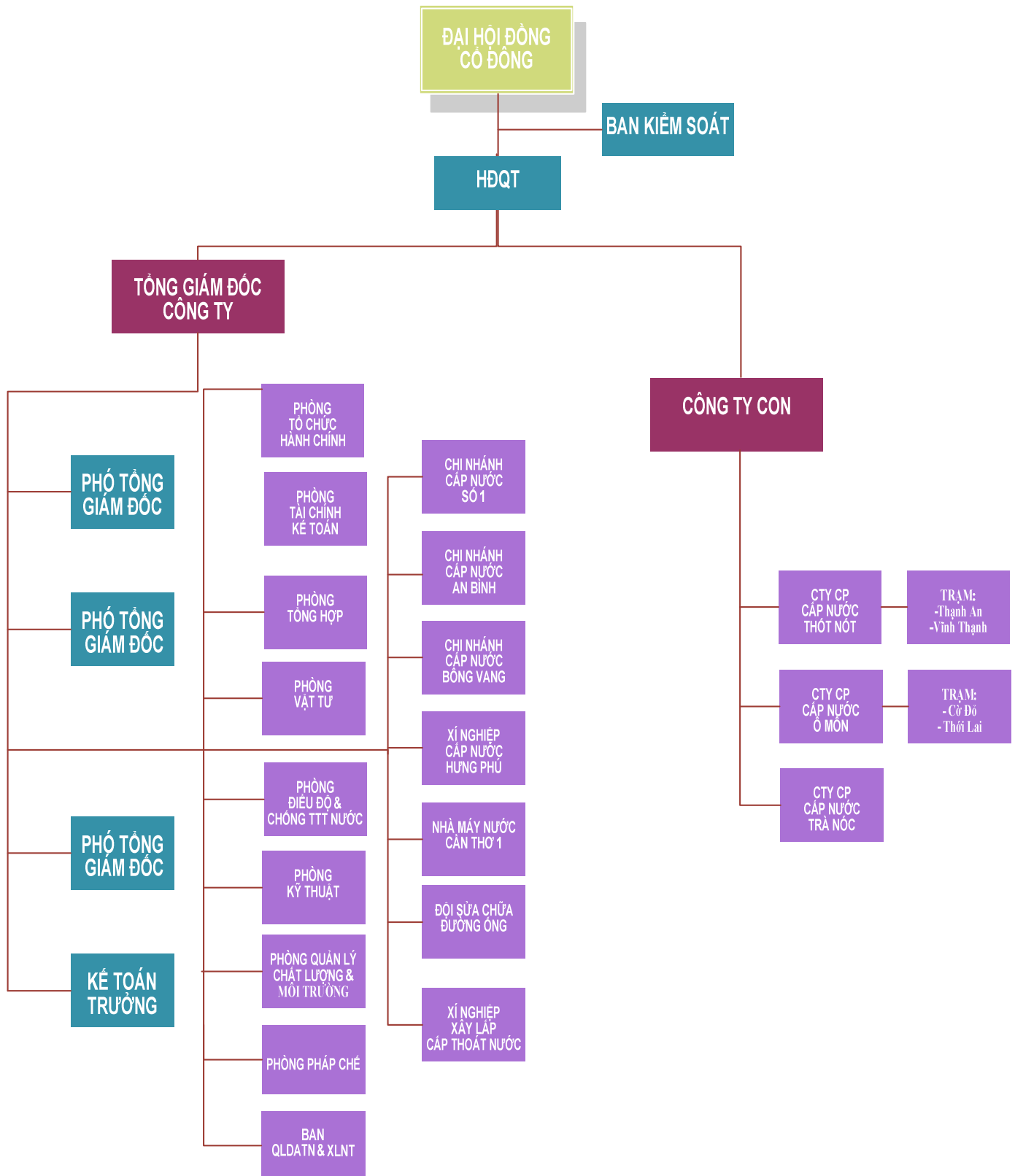
13. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành

13.1 Cơ cấu sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, các phòng ban và đơn vị sản xuất được cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 người (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 03 ủy viên HĐQT)
- Ban kiểm soát: 03 người (Trưởng ban, 02 ủy viên)
- Ban Tổng Giám đốc: 04 người (Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc)
- Kế toán trưởng: 01 người (kiêm Trưởng phòng kế toán)
- Các phòng ban tham mưu: 9 phòng ban (Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp, Phòng Vật tư, Phòng Điều độ & chống thất thoát thất thu nước, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng & Môi trường, Ban Quản lý Dự án thoát nước và Xử lý nước thải, Phòng Pháp chế).
- 03 Chi nhánh: Chi nhánh cấp nước số 1, Chi nhánh cấp nước An Bình, Chi nhánh cấp nước Bông Vang.
- Nhà máy sản xuất- Xí nghiệp trực thuộc: Nhà máy nước Cần Thơ 1, Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú, Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước, Đội Sửa chữa Đường ống.

13.2 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau



13.2.1. Cơ cấu tổ chức định biên các phòng chuyên môn nghiệp vụ năm 2015

TT	Phòng chuyên môn	ĐVT	Trưởng phòng	Phó phòng	Nhân viên	Tổng định biên
1	Phòng Tổ chức hành chính	Người	1	1	10	12
2	Phòng Tài chính kế toán	Người	(*)	1	7	8
3	Phòng Kỹ thuật	Người	1	2	10	13
4	Phòng Tổng hợp	Người	1	1	3	5
5	Phòng Vật tư	Người	1	1	5	7
6	Phòng Điều độ & chống thất thoát thất thu nước	Người	1	2	11	14
7	Phòng QL chất lượng & MT	Người	1		3	4
8	Phòng Pháp chế	Người	1		2	3
9	Ban QLDA	Người			4	4
	Tổng số:					70

(*) Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán

13.2.2. Cơ cấu tổ chức và định biên Chi nhánh – Nhà máy năm 2015

TT	Phân xưởng	ĐVT	Lãnh đạo	Nghiệp vụ	Lao động	Tổng định biên
1	Chi nhánh cấp nước số 1	Người	2	17	22	41
2	Chi nhánh cấp nước An Bình	Người	2	10	11	23
3	Chi nhánh cấp nước Bông Vang	Người	1	4	10	15
4	Nhà máy cấp nước Cần Thơ 1	Người	2	2	30	34
5	Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú	Người	1	7	21	29
6	Xí nghiệp XL Cấp thoát nước	Người	2	13	63	78
7	Đội Sửa chữa Đường ống	Người	1	2	13	16
	Tổng số:					236

13.2.3. Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền Quyết

định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 123 Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty dự kiến 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc (03 người).

❖ **Các phòng nghiệp vụ:** Các phòng ban gồm Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp, Phòng Vật tư, Phòng Điều độ & chống thất thoát thất thu nước, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng & Môi trường, Ban Quản lý Dự án thoát nước và Xử lý nước thải giữ nguyên chức năng nhiệm vụ hiện nay tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

○ **Phòng pháp chế:** Giúp việc Ban Tổng giám đốc và phối hợp các đơn vị trong Công ty trong việc: xây dựng, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, giám sát việc thực hiện

quy chế của các đơn vị. Kịp thời cập nhật và phối hợp với các đơn vị, các đoàn thể tổ chức phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nội quy quy chế tại Đơn vị đến người lao động.

❖ **Các đơn vị trực thuộc:** giữ nguyên mô hình và chức năng nhiệm vụ tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

14.1 Chiến lược phát triển

Thực hiện Nghị quyết Trung ương số 45-NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhấn mạnh “xây dựng thành phố Cần Thơ thành thành phố Loại I trực thuộc Trung ương” và Nghị quyết số 21/NQ-BCT ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị là yêu cầu và nhiệm vụ mới của thành phố Cần Thơ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị là 200lít/người/ngày, khu vực ngoại thị là 120lít/người/ngày. Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp là 40m³/ha/ngày. Tỷ lệ thất thoát nước trong toàn hệ thống 25%.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần không thay đổi so với hiện tại, chủ yếu tập trung nguồn lực để đảm bảo phục vụ nước sạch cho dân đô thị theo chủ trương của Nhà nước – tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đảm bảo 100%.

Riêng dịch vụ thoát nước, cố gắng duy trì hợp đồng quản lý vận hành với quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, bên cạnh mở rộng dịch vụ ra một số địa phương khác như quận Cái Răng, quận Ô Môn và quận Thốt Nốt,...

Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những Công ty có dịch vụ cấp thoát nước tốt nhất khu vực. Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ chất lượng, đủ sức đáp ứng các yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn (KCA), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng,...

14.2 Mục tiêu

Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ

quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

14.3 Các chỉ tiêu chính

- Sản lượng nước tiêu thụ trung bình mỗi năm tăng 5%, đến năm 2017 đạt 20,3triệu/m³.
- Doanh thu bình quân 3 năm sau cổ phần hóa đạt 165.911 triệu đồng.
- Giá nước năm 2015 tăng 4%, năm 2016-2017 tăng 8%.
- Phần đầu giảm tỉ lệ thất thoát – thất thu nước đến năm 2017 còn 22% và đến năm 2020 còn 20%.
- Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm tăng từ 5%. Riêng năm 2015 phần đầu thu nhập 8,9 triệu đồng/người/tháng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông bình quân 3 năm sau cổ phần hóa 5,75%.
- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và chống thất thoát nước, cải tạo văn phòng và nâng cấp công suất Nhà máy với tổng giá trị đầu tư 03 năm sau cổ phần hóa là 200.491.060.595 đồng trong đó 17.500.391.233 tỷ đồng chuyển tiếp từ các công trình năm 2014 chuyển sang.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ NĂM 2015 -2017

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm		
			2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	280.000	280.000	280.000
2	Sản lượng	m ³	18.400.000	19.300.000	20.300.000
3	Doanh thu	Triệu đồng	152.514	169.829	189.312
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	124.377	134.950	148.181
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	28.629	34.967	41.232

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm		
			2015	2016	2017
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	Triệu đồng	6.298	7.693	8.246
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.331	27.274	32.986
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn Điều lệ.	%	7,98%	9,74%	11,78%
9	Phân chia lợi nhuận sau thuế				
	-Quỹ dự trữ bắt buộc 10%	Triệu đồng	2.233	2.727	3.299
	-Quỹ thưởng Ban Điều hành 1,5%	Triệu đồng	335	409	495
	-Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh 10%	Triệu đồng	2.233	2.727	3.299
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi 20%	Triệu đồng	4.466	5.455	6.597
	-Chia cổ tức 58,5%	Triệu đồng	13.064	15.955	19.297
10	Tỷ suất cổ tức/Vốn cổ phần	%	4,67%	5,70%	6,89%
11	Thu nhập người lao động (người/tháng)	đồng	8.993.040	9.542.379	9.957.357
12	Số lao động bình quân trong năm	Người	315	319	323

14.4 Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

14.4.1. Giải pháp về thị trường

Tích cực phát triển các giải pháp gia tăng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng tiêu thụ như hoàn thành công trình tuyến ống cấp nước tại các dự án đang triển khai và nghiên cứu phát triển mở rộng mạng lưới tuyến ống trên cơ sở phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và đạt hiệu quả kinh tế tối ưu nhất, đặc biệt quan tâm những khu vực chưa có nước.

14.4.2. Giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và cải tạo hệ thống sản xuất phù hợp

Nâng cao năng lực sản xuất tại các Nhà máy phù hợp với nhu cầu tiêu thụ. Thường xuyên trùng tu, bảo dưỡng hệ thống như sửa chữa cải tạo bể lắng và bể lọc cụm 1, cụm 2 Nhà máy nước Cần Thơ 1, các Nhà máy và Trạm cấp nước, tiếp tục cải tạo ống chum....

đảm bảo sản xuất nước sạch luôn đạt tiêu chuẩn về chất lượng vệ sinh an toàn và cung cấp nước 24/24 cho các hộ dân.

Tạm ngưng triển khai dự án Nhà máy nước Côn Khương - Phong Điền do Chương trình AFD đã đóng và tiếp tục kêu gọi đầu tư để tìm nguồn vốn khác.

Xây dựng 01 đơn nguyên tại Nhà máy nước Bông Vang công suất 2.500m³/ngày đêm nâng công suất lên 10.000m³/ngày để phục vụ KV An Bình, An Khánh và TT Phong Điền.

Đối với dịch vụ thoát nước không ngừng cải tiến, kịp thời xử lý ngập nghẹt do sự cố đường ống, trục vớt rác và xử lý kịp thời khi có mưa gây ngập nghẹt. Không ngừng phấn đấu, nâng cao năng lực đội ngũ thoát nước thông qua đào tạo, học tập kinh nghiệm, tự rèn luyện...để được thành phố giao quản lý vận hành dự án Thoát nước & xử lý nước thải thành phố Cần Thơ.

14.4.3. Giải pháp về chống thất thoát nước

Công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư mở rộng Nhà máy nhưng vẫn thu được sản lượng nước sạch phát ra mạng. Tận dụng mọi nguồn lực có sẵn để dò tìm thường xuyên và định kỳ thực hiện rà soát kiểm tra hệ thống mạng lưới nhanh chóng phát hiện ống nước bị rò rỉ để nhanh chóng khắc phục sửa chữa.

Cập nhật và tiến tới số hóa mạng lưới cấp nước để quản lý mạng lưới cấp nước, lưu lượng nước, áp lực và kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước tự động hóa công tác quản lý.

Từng bước thay các tuyến ống cũ, tìm, cúp bỏ các ống không còn sử dụng; phân vùng, lắp đồng hồ tổng, kiểm soát thất thoát từng vùng.

14.4.4. Giải pháp về đầu tư phát triển

Đồng hành cùng với giải pháp chống thoát nước và nâng cao năng lực sản xuất cải tạo hệ thống phù hợp, Công ty đề ra kế hoạch đầu tư và tiến độ thực hiện cho 03 năm sau cổ phần hóa như sau:

Dvt: đồng

Stt	Tên Công trình	Địa điểm thi công công trình	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017
<u>I/Công tác chuẩn bị đầu tư dự án</u>					
1	Dự án tuyến ống chuyển tải D.600		218.358.000		

Stt	Tên Công trình	Địa điểm thi công công trình	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017
2	Nhà máy cấp nước Thị trấn Phong Điền (Công suất 2.500 m ³ /ngđêm + 7.500 m ³ /ngđêm)		81.000.000		
3	Dự án tuyến ống chuyển tải D.400	Nguyễn Trãi - Hoàng Văn Thụ - Huỳnh Thúc Kháng - Mậu Thân	280.000.000		
4	Dự án tuyến ống chuyển tải D.400	Nguyễn Thị Minh Khai - Phan Đình Phùng		200.000.000	
5	Dự án nâng công suất NMN Hưng Phú (Công suất 10.000 m ³ /ngày đêm)				162.000.000
<u>II/Xây dựng cơ bản</u>					
6	Cải tạo văn phòng tầng 1, phía sau Công ty		2.000.000.000		
7	Cải tạo đường nội bộ	XN Cấp nước Hưng Phú - P. Phú Thứ, Q. Cái Răng	580.000.000		
8	Đường nội bộ	NMN Thị trấn Phong Điền	149.000.000		
9	Đường nội bộ	Nhà máy nước Bông Vang , Mỹ Khánh	400.000.000		
10	Cung cấp và lắp đặt hệ thống thiết bị phát hiện, cảnh báo và thắp trung hòa Clo rò rỉ	Nhà máy nước Cần Thơ 1	806.086.000		
11	Nâng cấp đường bê tông nhựa NMN Cần Thơ 1	NMN Cần Thơ 1-đường 30/4, Ninh Kiều	3.512.866.000		

Stt	Tên Công trình	Địa điểm thi công công trình	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017
12	Nhà máy nước Thị trấn Phong Điền (Công suất giai đoạn 1: 2.500 m ³ /ngày đêm)			12.000.000.000	
III/Mở rộng mạng lưới cấp nước					
13	Tuyến ống chuyển tải D.600 Hòa Bình	Hòa Bình- Lý Tự Trọng	25.000.000.000		
14	Tuyến ống chuyển tải D.600	NMN Cần Thơ 1 - Nguyễn Trãi		34.800.000.000	
15	Tuyến ống chuyển tải D.400	Nguyễn Trãi - Hoàng Văn Thụ - Huỳnh Thúc Kháng			42.615.000.000
16	Dự án tuyến ống chuyển tải D.400	Nguyễn Thị Minh Khai - Phan Đình Phùng			28.845.000.000
17	Tuyến ống cấp nước D.168-D.300	Từ KDC Hưng Phú I đến bến xe Nam Cần Thơ - P. Hưng Thạnh - Q. Cái Răng - TP Cần Thơ	2.868.914.000		
18	Lắp đặt ống cấp nước D.180 HDPE	Đ.Nguyễn Văn Cừ nối dài - KV4 - P. An Bình Q. Ninh Kiều - TP Cần Thơ	1.178.303.000		
19	Tuyến ống cấp nước D.60 - D.114	KV9 - P. Hưng Phú - TP Cần Thơ	249.082.971		
20	Lắp đặt ống cấp nước D.110 HDPE	Từ cầu Rạch Chuối đến cầu Trà Niên - H. Phong Điền - TP Cần Thơ	398.399.000		
21	Lắp đặt ống cấp nước D.110 - D.63 HDPE	Hẻm 96 Lý Tự Trọng - P. An Cư - Q. NK - TP Cần Thơ	343.412.000		

Stt	Tên Công trình	Địa điểm thi công công trình	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017
22	Lắp đặt ống cấp nước D.110 HDPE	Từ cầu Rạch Chuối đến Vàm sáng - H. Phong Điền – TP Cần Thơ	484.886.000		
23	Lắp đặt ống cấp nước D.110 - D.63 HDPE	Rạch Cái Tôm, Hưng Phú	500.000.000		
24	Lắp đặt ống cấp nước D.110 - D.63 HDPE	Rạch Cái Đồi, Hưng Phú	500.000.000		
25	Tuyến ống D.250	Khu công nghiệp 2A - Cảng cái Cui (phía trái)		2.000.000.000	
26	Tuyến ống D.250	KDC Nông Thổ Sản - Cảng cái Cui (phía phải)		2.000.000.000	
27	Tuyến Ống D.168 HDPE	Bờ kè sông Cần Thơ Hưng Thạnh	1.000.000.000		
<u>IV/Chống thất thoát</u>					
28	Dự án chống thất thoát nước (thiết bị)	Nội ô quận Ninh Kiều			4.620.000.000
29	Cải tạo ống chum lắp đặt ống D.63HDPE, D.49PVC - D.42PVC	Hẻm 29/25-59/33 XVNT; hẻm 98 Ngõ Đức Kế; hẻm 42/76B-42/76B-42/20 Đ.30/4; hẻm 44 Điện Biên Phủ	99.382.492		
30	Cải tạo ống chum lắp đặt ống HDPE D.110, D.63	Hẻm 38/28, 48/33, 72 Nguyễn Trãi; Hẻm 2 XVNT - Q.Ninh Kiều – TP Cần Thơ	307.067.978		

Stt	Tên Công trình	Địa điểm thi công công trình	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017
31	Cải tạo ống chùng lắp đặt ống HDPE D.63	Hẻm 132/18, 132/20A, 132/26G, 132/21, 132/23A, 133/33, 132/35 đường 3/2 và hẻm 141/1 cạnh hẻm 141 đường 30/4 - Q.Ninh Kiều – TP Cần Thơ	280.763.927		
32	Cải tạo di dời ống cũ, lắp đặt ống D.110 HDPE	151/127 - Huỳnh Cương - 96/32 NTH	88.919.000		
33	Cải tạo ống chùng - Lắp đặt ống HDPE D.110, D.63	Hẻm 2- LTT, Hẻm 73 - Nguyễn Trãi, Hẻm 18 XVNT	245.224.910		
34	Cải tạo ống chùng	Hẻm 18/38 XVNT -P.An Hội - Q.Ninh Kiều - TP Cần Thơ	510.216.910		
35	Tuyến ống cấp nước HDPE D.180	KDC 148 Đ. 3/2 - P. Hưng Lợi - quận NK – TP CT	319.237.000		
36	Gắn đồng hồ kiểm soát lưu lượng	Đường XVNT và Hoàng Văn Thụ - Q. Ninh Kiều	215.135.000		
37	Cải tạo mạng lưới khu dân cư 586	KDC 586 - Hưng Phú	3.132.415.174		
38	Cải tạo ống chùng	quận Ninh Kiều	2.000.000.000		
39	Cải tạo ống chùng	quận Ninh Kiều		4.000.000.000	
40	Cải tạo ống chùng	quận Ninh Kiều			4.000.000.000
<u>V/Các CT&ML 2014 chuyển sang 2015</u>			17.500.391.233		
<u>TỔNG CỘNG</u>			65.249.060.595	55.000.000.000	80.242.000.000

14.4.5. Giải pháp về vốn

Thực hiện các giải pháp tái cơ cấu tài chính của Công ty, đẩy nhanh công tác thu tiền nước, chủ động nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, hạn chế vay vốn tín dụng.

Mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính, đối tác liên quan trong ngành nước và quan tâm đến sự phát triển của ngành tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án: cải tạo, xây dựng mới các Nhà máy nước, đầu tư hệ thống mạng lưới, chống thất thoát nước... theo kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty.

14.4.6. Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành

Nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của đơn vị và các đơn vị thành viên.

Chuyên nghiệp hóa trong ghi chỉ số đồng hồ nước bằng ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng điện thoại di động và phần mềm quản lý khách hàng đảm bảo chính xác và thuận lợi cho khách hàng.

Kiện toàn công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng phù hợp với trình độ sản xuất, mục tiêu sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả.

Từng bước hoàn thiện công tác quản trị sản xuất, đưa ra các quy trình kiểm soát về tiến độ, chất lượng, tối ưu hóa các chi phí quản lý.

14.4.7. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo từ cấp quản lý cho đến các lao động trực tiếp được tiếp thu những kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề... để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chú trọng quy hoạch nhân sự phục vụ trong công tác quản lý, thu hút lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề phục vụ cho sự phát triển của Công ty.

14.4.8. Giải pháp về lao động

- Về chính sách lao động & đào tạo phát triển nguồn lao động

- + Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- + Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;
- + Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;

- + Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
 - + Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề;
 - + Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Về chính sách tiền lương**
- + Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
 - + Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, bộ phận theo nhiệm vụ được giao;
 - + Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
 - + Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép...

14.4.9. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành.

Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.

Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội cựu chiến binh thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong Công ty cổ phần.

Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ ...

14.4.10. Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- + Tuyên truyền, giáo dục, học tập Luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty;
- + Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng đặc biệt là sử dụng nguyên nhiên vật liệu (PAC, clor, dầu,..) và điện năng;
- + Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;
- + Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương, xây dựng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng trong sản xuất... và giám sát việc thực hiện các quy chế;
- + Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ được phê duyệt và có Quyết định của UBND thành phố về việc chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

1. Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài: từ 20/4/2015 đến 30/6/2015.
2. Tổ chức bán cổ phần cho đối tác chiến lược: từ 29/5/2015 đến 8/6/2015.
3. Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV: từ 29/05/2015 đến 22/6/2015.
4. Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa: từ 30/6/2015 đến 03/7/2015.
5. Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh: từ 6/7/2015 đến 13/7/2015.
6. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần: từ 13/7/2015 đến 14/7/2015.
7. Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần; in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần: từ 13/7/2015 đến 20/7/2015.
8. Thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: từ 21/7/2015 đến 5/8/2015.
9. Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị: từ 21/7/2015 đến 5/8/2015.
10. Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động: từ 5/8/2015 đến 12/8/2015.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để Công ty mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính đề nghị UBND thành phố Cần Thơ xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo.

